BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH

UEF
ĐẠI HỌC KINH TẾ TÀI CHÍNH

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH NĂM 2023

(theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 07/2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH

2. Mã trường: UEF

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

STT	Loại cơ sở đào tạo	Tên cơ sở đào tạo	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Khác	Cơ sở số 2 Đường số 2D	Số 2 Đường số 2D, An Lạc, Bình Tân, Tp.HCM	5734,90 m2	13322,32 m2
2	Khác	Khu Nam Sài Gòn	Xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp.HCM	51.946,20 m2	
3	Khác	Cơ sở số 8 Đặng Đại Độ	Số 8 Đặng Đại Độ, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phòng, Q.7, Tp.HCM	12207,70 m2	15673,73 m2
4	Cơ sở đào tạo chính	141 Điện Biên Phủ	141-145 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	1725,90 m2	21250,90 m2
5	Cơ sở đào tạo chính	276 Điện Biên Phủ	276-282 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM	1481 m2	7663,91 m2

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: https://www.uef.edu.vn/

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh): https://www.facebook.com/uef.edu.vn

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (028) 5422 5555 - (028) 5422 6666

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/ptchc/bao-cao-3-cong-khai3

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Nghệ thuật		0	0	0	0
Thiết kế đồ họa	Đại học	0	0	0	0
Kinh doanh và quản lý		0	0	0	0
Quản trị kinh doanh (LKĐT nước ngoài)	Đại học	0	0	0	95.7
Quản trị kinh doanh	Đại học	0	0	0	95.7
Digital Marketing	Đại học	0	0	0	0
Marketing	Đại học	100	102	94	95.7
Bất động sản	Đại học	0	0	0	0
Kinh doanh quốc tế (LKĐT nước ngoài)	Đại học	0	0	0	96.57
Kinh doanh quốc tế	Đại học	0	0	0	96.57
Kinh doanh thương mại	Đại học	0	0	0	0
Thương mại điện tử	Đại học	120	123	122	83.02
Tài chính -	Đại học	90	87	70	86.15

Ngân hàng					
Công nghệ tài chính	Đại học	0	0	0	0
Tài chính quốc tế	Đại học	0	0	0	0
Kế toán	Đại học	80	78	67	90
Kiểm toán	Đại học	0	0	0	0
Quản trị nhân lực	Đại học	50	37	31	82.76
Quản trị văn phòng	Đại học	0	0	0	0
Quản trị sự kiện	Đại học	0	0	0	0
Pháp luật		0	0	0	0
Luật	Đại học	0	0	0	0
Luật kinh tế	Đại học	80	86	78	81.33
Luật quốc tế	Đại học	40	10	9	87.5
Toán và thống kê		0	0	0	0
Khoa học dữ liệu	Đại học	0	0	0	0
Máy tính và công nghệ thông tin		0	0	0	0
Công nghệ thông tin	Đại học	120	118	94	83.7
Công nghệ kỹ thuật		0	0	0	0
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Đại học	0	0	0	0
Nhân văn		0	0	0	0
Ngôn ngữ Anh (LKĐT	Đại học	0	0	0	82.14

nước ngoài)					
Ngôn ngữ Anh	Đại học	0	0	0	82.14
Ngôn ngữ Trung Quốc	Đại học	0	0	0	0
Ngôn ngữ Nhật	Đại học	240	245	227	82.32
Ngôn ngữ Hàn Quốc	Đại học	0	0	0	0
Khoa học xã hội và hành vi		0	0	0	0
Kinh tế quốc tế	Đại học	0	0	0	0
Quan hệ quốc tế	Đại học	60	26	29	84
Tâm lý học	Đại học	0	0	0	0
Việt Nam học	Đại học	0	0	0	0
Báo chí và thông tin		0	0	0	0
Truyền thông đa phương tiện	Đại học	0	0	0	0
Công nghệ truyền thông	Đại học	0	0	0	0
Quan hệ công chúng	Đại học	70	68	65	87.1
Quảng cáo	Đại học	0	0	0	0
Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		0	0	0	0
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đại học	40	23	19	83.33
Quản trị	Đại học	0	0	0	82.67

khách sạn (LKĐT nước ngoài)					
Quản trị khách sạn	Đại học	0	0	0	82.67
Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	Đại học	0	0	0	0
Tổng		0	0	0	0

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT: -.Năm 2022: https://www.uef.edu.vn/tin-tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-du-kien-nam-2022-cua-uef-14147 - Năm 2021: https://www.uef.edu.vn/tin-tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2021-cua-uef-10083

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2022		x		Nhà trường thực hiện đồng thời 04 phương thức tuyển sinh cho tất cả các ngành đào tạo bậc đại học chính quy, gồm: (1) Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022. (2) Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2022.

					(3) Xét tuyển theo học bạ trung học phổ thông lớp 12 (tổng điểm trung bình 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển). (4) Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 05 học kỳ (HK1, HK2 lớp 10, HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12).
2	Năm tuyển sinh 2021		x		Nhà trường thực hiện đồng thời 04 phương thức tuyển sinh cho tất cả các ngành đào tạo bậc đại học chính quy, gồm: (1) Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021. (2) Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM năm 2021. (3) Xét tuyển theo học bạ trung học phổ thông lớp 12 (tổng điểm trung bình 3 môn trong tổ hợp môn xét tuyển). (4) Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 05 học kỳ (HK1, HK2 lớp 10, HK1, HK2 lớp 11 và HK1 lớp 12).

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Toán và thống kê							
1.1	Toán học							
1.1.1	Khoa học dữ liệu	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	47	2	22	10	5	19
1.1.2	Khoa học dữ liệu	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	13	12	18	26	27	18
1.1.3	Khoa học dữ liệu	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				26	21	18
1.1.4	Khoa học dữ liệu	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	1	650	4	1	600
2	Máy tính và công nghệ thông tin							
2.1	Công nghệ thông tin							
2.1.1	Công nghệ thông tin	Xét kết quả thi	20	30	19	42	49	17

		tốt nghiệp THPT						
2.1.2	Công nghệ thông tin	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	32	63	18	112	103	18
2.1.3	Công nghệ thông tin	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				112	115	18
2.1.4	Công nghệ thông tin	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	8	1	650	14	12	600
3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân							
3.1	Du lịch							
3.1.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	23	5	20	11	7	17
3.1.2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	15	12	18	31	29	18
3.1.3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Xét học bạ theo tổng				31	28	18

		điểm trung bình 03 học kỳ						
3.1.4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	4	0	650	4	1	600
3.2	Khách sạn, nhà hàng							
3.2.1	Quản trị khách sạn	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	60	12	21	30	13	17
3.2.2	Quản trị khách sạn	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	40	32	18	79	75	18
3.2.3	Quản trị khách sạn	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				79	77	18
3.2.4	Quản trị khách sạn	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	10	0	650	10	0	600
3.2.5	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Xét kết quả thi tốt nghiệp	20	11	20	18	6	19

		THPT						
3.2.6	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	13	14	18	48	43	18
3.2.7	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				48	48	18
3.2.8	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	650	6	1	600
4	Nghệ thuật							
4.1	Mỹ thuật ứng dụng							
4.1.1	Thiết kế đồ họa	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	18	5	21	9	13	17
4.1.2	Thiết kế đồ họa	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	12	15	18	24	22	18
4.1.3	Thiết kế đồ họa	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03				24	22	18

		học kỳ						
4.1.4	Thiết kế đồ họa	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	650	3	3	600
5	Kinh doanh và quản lý							
5.1	Kinh doanh							
5.1.1	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	110	171	22	66	68	18
5.1.2	Quản trị kinh doanh	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	75	82	18	176	170	18
5.1.3	Quản trị kinh doanh	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				176	182	18
5.1.4	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	19	1	700	22	11	600
5.1.5	Marketing	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	46	110	24	60	62	17

5.1.6	Marketing	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	32	23	18	160	157	18
5.1.7	Marketing	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				160	162	18
5.1.8	Marketing	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	8	2	650	20	18	600
5.1.9	Digital Marketing	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT						
5.1.10	Digital Marketing	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn						
5.1.11	Digital Marketing	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ						
5.1.12	Digital Marketing	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG						

		TP.HCM)						
5.1.13	Bất động sản	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	18	4	20	9	6	19
5.1.14	Bất động sản	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	12	14	18	24	18	18
5.1.15	Bất động sản	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				24	25	18
5.1.16	Bất động sản	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	650	3	0	600
5.1.17	Kinh doanh quốc tế	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	80	99	23	52	52	20
5.1.18	Kinh doanh quốc tế	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	53	80	18	136	136	18
5.1.19	Kinh doanh quốc tế	Xét học bạ theo tổng điểm				136	142	18

		trung bình 03 học kỳ						
5.1.20	Kinh doanh quốc tế	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	14	2	750	17	9	600
5.1.21	Kinh doanh thương mại	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	20	21	18	21	19
5.1.22	Kinh doanh thương mại	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	13	20	18	48	29	18
5.1.23	Kinh doanh thương mại	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				48	47	18
5.1.24	Kinh doanh thương mại	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	650	6	1	600
5.1.25	Thương mại điện tử	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	23	47	23	24	22	17
5.1.26	Thương mại điện tử	Xét học bạ lớp	16	17	18	64	63	18

		12 theo tổ hợp 03 môn						
5.1.27	Thương mại điện tử	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				64	63	18
5.1.28	Thương mại điện tử	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	4	4	650	8	10	600
5.2	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm							
5.2.1	Tài chính - Ngân hàng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	78	115	20	60	74	18
5.2.2	Tài chính - Ngân hàng	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	51	60	18	160	161	18
5.2.3	Tài chính - Ngân hàng	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				160	154	18
5.2.4	Tài chính - Ngân hàng	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG	13	0	650	20	10	600

		TP.HCM)						
5.2.5	Tài chính quốc tế	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	18	8	20	9	6	18
5.2.6	Tài chính quốc tế	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	12	10	18	24	18	18
5.2.7	Tài chính quốc tế	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				24	24	18
5.2.8	Tài chính quốc tế	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	650	3	1	600
5.2.9	Công nghệ tài chính	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				9	3	18
5.2.10	Công nghệ tài chính	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn				24	23	18
5.2.11	Công nghệ tài chính	Xét học bạ theo tổng điểm				24	24	18

		trung bình 03 học kỳ						
5.2.12	Công nghệ tài chính	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)				3	0	600
5.3	Kế toán - Kiểm toán							
5.3.1	Kế toán	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	46	45	19	36	38	17
5.3.2	Kế toán	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	32	45	18	96	59	18
5.3.3	Kế toán	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				96	101	18
5.3.4	Kế toán	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	8	0	650	12	3	600
5.3.5	Kiểm toán	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				9	15	19

5.3.6	Kiểm toán	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn				24	22	18
5.3.7	Kiểm toán	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				24	21	18
5.3.8	Kiểm toán	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)				3	1	600
5.4	Quản trị - Quản lý							
5.4.1	Quản trị nhân lực	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	23	39	22	18	23	19
5.4.2	Quản trị nhân lực	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	16	20	18	48	45	18
5.4.3	Quản trị nhân lực	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				48	50	18
5.4.4	Quản trị nhân lực	Xét kết quả thi	4	0	650	6	1	600

		ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)						
5.4.5	Quản trị sự kiện	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				9	5	17
5.4.6	Quản trị sự kiện	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn				24	19	18
5.4.7	Quản trị sự kiện	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				24	26	18
5.4.8	Quản trị sự kiện	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)				3	0	600
6	Pháp luật							
6.1	Luật							
6.1.1	Luật	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	21	25	19	18	16	18
6.1.2	Luật	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp	15	20	18	48	35	18

		03 môn						
6.1.3	Luật	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				48	46	18
6.1.4	Luật	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	650	6	1	600
6.1.5	Luật kinh tế	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	46	51	19	28	32	18
6.1.6	Luật kinh tế	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	32	46	18	76	75	18
6.1.7	Luật kinh tế	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				76	76	18
6.1.8	Luật kinh tế	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	8	0	650	10	5	600
6.1.9	Luật quốc tế	Xét kết quả thi	23	11	20	12	4	20

		tốt nghiệp THPT						
6.1.10	Luật quốc tế	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	16	23	18	31	30	18
6.1.11	Luật quốc tế	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				31	30	18
6.1.12	Luật quốc tế	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	4	0	750	4	0	600
7	Công nghệ kỹ thuật							
7.1	Quản lý công nghiệp							
7.1.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	21	49	24	30	31	19
7.1.2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	15	15	18	80	78	18
7.1.3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Xét học bạ theo tổng				80	80	18

		điểm trung bình 03 học kỳ						
7.1.4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	1	700	10	9	600
8	Nhân văn							
8.1	Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài							
8.1.1	Ngôn ngữ Anh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	66	41	21	25	25	17
8.1.2	Ngôn ngữ Anh	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	45	50	18	68	48	18
8.1.3	Ngôn ngữ Anh	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				68	60	18
8.1.4	Ngôn ngữ Anh	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	11	0	650	9	5	600
8.1.5	Ngôn ngữ Trung	Xét kết	20	10	19	18	8	17

	Quốc	quả thi tốt nghiệp THPT						
8.1.6	Ngôn ngữ Trung Quốc	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	13	15	18	48	45	18
8.1.7	Ngôn ngữ Trung Quốc	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				48	47	18
8.1.8	Ngôn ngữ Trung Quốc	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	650	6	0	600
8.1.9	Ngôn ngữ Nhật	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	31	15	19	18	4	19
8.1.10	Ngôn ngữ Nhật	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	20	26	18	48	43	18
8.1.11	Ngôn ngữ Nhật	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				48	51	18

8.1.12	Ngôn ngữ Nhật	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	5	0	650	6	0	600
8.1.13	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	21	8	19	18	10	17
8.1.14	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	15	18	18	48	43	18
8.1.15	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				48	47	18
8.1.16	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	700	6	1	600
9	Khoa học xã hội và hành vi							
9.1	Kinh tế học							
9.1.1	Kinh tế quốc tế	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				12	11	17
9.1.2	Kinh tế quốc tế	Xét học				32	20	18

		bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn						
9.1.3	Kinh tế quốc tế	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				32	32	18
9.1.4	Kinh tế quốc tế	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)				4	2	600
9.2	Khoa học chính trị							
9.2.1	Quan hệ quốc tế	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	23	30	21	15	19	19
9.2.2	Quan hệ quốc tế	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	15	16	18	40	34	18
9.2.3	Quan hệ quốc tế	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				40	40	18
9.2.4	Quan hệ quốc tế	Xét kết quả thi ĐGNL	4	0	750	5	7	600

		(ĐHQG TP.HCM)						
9.3	Tâm lý học							
9.3.1	Tâm lý học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	18	1	21	9	8	18
9.3.2	Tâm lý học	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	12	12	18	24	15	18
9.3.3	Tâm lý học	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				24	23	18
9.3.4	Tâm lý học	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	3	0	650	3	3	600
10	Báo chí và thông tin							
10.1	Báo chí và truyền thông							
10.1.1	Truyền thông đa phương tiện	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT				11	12	18
10.1.2	Truyền thông đa phương tiện	Xét học bạ lớp				28	27	18

		12 theo tổ hợp 03 môn						
10.1.3	Truyền thông đa phương tiện	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				28	31	18
10.1.4	Truyền thông đa phương tiện	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)				3	0	600
10.1.5	Công nghệ truyền thông	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	25	8	20	13	5	20
10.1.6	Công nghệ truyền thông	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	17	23	18	34	34	18
10.1.7	Công nghệ truyền thông	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				34	28	18
10.1.8	Công nghệ truyền thông	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	4	0	650	3	1	600

10.1.9	Quan hệ công chúng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	39	18	23	30	18	19
10.1.10	Quan hệ công chúng	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	26	52	18	80	74	18
10.1.11	Quan hệ công chúng	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ				80	89	18
10.1.12	Quan hệ công chúng	Xét kết quả thi ĐGNL (ĐHQG TP.HCM)	7	1	650	10	5	600

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/ptchc/bao-cao-3-cong-khai/danh-muc-nganh-duoc-phep-dao-tao.pdf

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1	Công nghệ thông tin	7480201	7923/QĐ-BGDĐT	14/12/2007	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2022
2	Quảng cáo	7320110	105/QĐ-UEF	05/05/2020			Trường tự chủ QĐ	2020	2021
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	3601/QĐ-BGDĐT	16/09/2015	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2022
4	Quản trị dịch vụ du lịch	7810103	3521/QĐ-BGDĐ	15/09/2016	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2022

	và lữ hành		T						
5	Quản trị văn phòng	7340406	249/QĐ-UEF	01/03/2022			Trường tự chủ QĐ	2022	2022
6	Công nghệ tài chính	7340205	231/QĐ-UEF	25/02/2022			Trường tự chủ QĐ	2022	2022
7	Tài chính quốc tế	7340206	57/QĐ-UEF	25/01/2021			Trường tự chủ QĐ	2021	2022
8	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	272/QĐ-BGDĐT	30/01/2019			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2019	2022
9	Tâm lý học	7310401	77/QĐ-UEF	05/02/2021			Trường tự chủ QĐ	2021	2022
10	Truyền thông đa phương tiện	7320104	247/QĐ-UEF	01/03/2022			Trường tự chủ QĐ	2022	2022
11	Digital Marketing	7340114	235/QĐ-UEF	25/02/2022			Trường tự chủ QĐ	2023	2023

12	Quản trị nhân lực	7340404	1833/QĐ-BGDĐT	31/05/2016	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016	2022
13	Luật quốc tế	7380108	1805/QĐ-BGDĐT	19/05/2017	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2022
14	Kế toán	7340301	7923/QĐ-BGDĐT	14/12/2007	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2022
15	Quan hệ quốc tế	7310206	1546/QĐ-BGDĐT	05/05/2017	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2022
16	Khoa học dữ liệu	7460108	85/QĐ-UEF	18/04/2020			Trường tự chủ QĐ	2020	2022
17	Thương mại điện tử	7340122	854/QĐ-BGDĐT	22/03/2016	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016	2022
18	Quản trị nhà hàng	7810202	86/QĐ-UEF	18/04/2020			Trường tự chủ QĐ	2020	2022

	và Dịch vụ ăn uống								
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	76/QĐ-UEF	16/04/2020			Trường tự chủ QĐ	2020	2022
20	Việt Nam học	7310630	268/QĐ-UEF	04/07/2021			Trường tự chủ QĐ	2021	2021
21	Quản trị sự kiện	7340412	248/QĐ-UEF	01/03/2022			Trường tự chủ QĐ	2022	2022
22	Quản trị khách sạn	7810201	2427/QĐ-BGDĐT	15/07/2016	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016	2022
23	Bất động sản	7340116	58/QĐ-UEF	25/01/2021			Trường tự chủ QĐ	2021	2022
24	Quản trị kinh doanh	7340101	7923/QĐ-BGDĐT	14/12/2007	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2008	2022
25	Luật	7380101	1014/QĐ-	16/04/2019			Cơ quan có thẩm quyền	2019	2022

			BGDĐT				cho phép		
26	Kinh doanh thương mại	7340121	75/QĐ-UEF	16/04/2020			Trường tự chủ QĐ	2020	2022
27	Thiết kế đồ họa	7210403	138/QĐ-UEF	15/03/2021			Trường tự chủ QĐ	2021	2022
28	Luật kinh tế	7380107	1493/QĐ-BGDĐT	07/05/2015	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2022
29	Quan hệ công chúng	7320108	2448/QĐ-BGDĐT	20/07/2016	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2016	2022
30	Kinh tế quốc tế	7310106	229/QĐ-UEF	25/02/2022			Trường tự chủ QĐ	2022	2022
31	Công nghệ truyền thông	7320106	2074/QĐ-BGDĐT	01/06/2018			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2019	2022
32	Ngôn	72202	592/QĐ	26/02/201	860/QĐ-	03/12/2018	Cơ quan có	2015	2022

	ngữ Anh	01	- BGDĐT	5	BGDĐT		thẩm quyền cho phép		
33	Ngôn ngữ Nhật	7220209	2194/QĐ-BGDĐT	29/06/2017	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2017	2022
34	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	1016/QĐ-BGDĐT	16/04/2019			Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2019	2022
35	Marketing	7340115	2639/QĐ-BGDĐT	24/07/2015	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2015	2022
36	Kiểm toán	7340302	230/QĐ-UEF	25/02/2022			Trường tự chủ QĐ	2022	2022
37	Tài chính - Ngân hàng	7340201	7923/QĐ-BGDĐT	14/12/2007	860/QĐ-BGDĐT	03/12/2018	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	2007	2022

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://user-cdn.uef.edu.vn/newsimg/ptchc/bao-cao-3-cong-khai3

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://www.uef.edu.vn/tin-tuyen-sinh/de-an-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-du-kien-nam-2023-cua-uef-18341

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo[1] trên trang thông tin điện tử của CSĐT: https://www.uef.edu.vn/tin-tuyen-sinh/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-20090?gidzl=h4WEFQbEaGocK0WperMJ3gXM3p6xKS4CjL8BPhfKbLlZLGqsl5QH1hHJ3pQzLC87i0TTRpOzCAW9e4oJ1m

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

[1] Thực hiện từ năm 2023

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.1.1. Chương trình đào tạo đại học chính quy (do UEF cấp bằng):

a) Đối tượng dự tuyển bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam, hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương, tính đến thời điểm xét tuyển.
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật được dự tuyển vào các ngành thuộc nhóm ngành của ngành nghề đã tốt nghiệp trung cấp.

b) Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.1.2. Chương trình đào tạo đại học liên kết quốc tế (do trường liên kết cấp bằng):

1.1.2.1. Chương trình liên kết đào tạo với Trường Đại học Gloucestershire (Vương quốc Anh):

a) Đối tượng tuyển sinh: Ứng viên có nguyện vọng tham gia học chương trình liên kết trình độ đại học giữa Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Gloucestershire (Vương quốc Anh).

b) Điều kiện dự tuyển:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thí sinh đạt trình độ B2 Khung tham chiếu chung Châu Âu hoặc tương đương.

1.1.2.2. Chương trình liên kết đào tạo với Trường Đại học Leeds Trinity (Vương quốc Anh):

a) Đối tượng tuyển sinh: Ứng viên có nguyện vọng tham gia học chương trình liên kết trình độ đại học giữa Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Leeds Trinity (Vương quốc Anh).

b) Điều kiện dự tuyển:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thí sinh đạt trình độ B2 Khung tham chiếu chung Châu Âu hoặc tương đương.

1.1.2.3. Chương trình liên kết đào tạo với Trường Đại học Keuka (Hoa kỳ):

a) Đối tượng tuyển sinh: Ứng viên có nguyện vọng tham gia học chương trình liên kết trình độ đại học giữa Trường Đại học

Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Keuka (Hoa Kỳ).

b) Điều kiện dự tuyển:

- Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thí sinh đạt trình độ B2 Khung tham chiếu chung Châu Âu hoặc tương đương.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển;

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển[2] 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
1	Đại học	7210403	Thiết kế đồ họa	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	31	TTB							
2	Đại học	7210403	Thiết kế đồ họa	402	Xét kết quả thi	4	NL1							

[2] Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

					ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)									
3	Đại học	7210403	Thiết kế đồ họa	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	20	A00		A01		C01		D01	
4	Đại học	7210403	Thiết kế đồ họa	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	23	A00		A01		C01		D01	
5	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	66	A01		D01		D14		D15	
6	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét kết quả thi tốt	55	A01		D01		D14		D15	

					nghiệp THPT năm 2023									
7	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	11	NL1							
8	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	88	TTB							
9	Đại học	7220201G	Tiếng Anh và Ngôn ngữ học (liên kết với Đại học Gloucestershire)	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HC	1	NL1							

					M)									
10	Đại học	7220201G	Tiếng Anh và Ngôn ngữ học (liên kết với Đại học Gloucestershire)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	8	A01		D01		D14		D15	
11	Đại học	7220201G	Tiếng Anh và Ngôn ngữ học (liên kết với Đại học Gloucestershire)	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	9	A01		D01		D14		D15	
12	Đại học	7220201G	Tiếng Anh và Ngôn ngữ học (liên kết với Đại học Gloucestershire)	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	12	TTB							
13	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm	33	A01		D01		D14		D15	

					2023									
14	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	40	A01		D01		D14		D15	
15	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	53	TTB							
16	Đại học	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	6	NL1							
17	Đại học	7220209	Ngôn ngữ Nhật	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	40	A01		D01		D14		D15	

18	Đại học	7220209	Ngôn ngữ Nhật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	33	A01		D01		D14		D15	
19	Đại học	7220209	Ngôn ngữ Nhật	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	53	TTB							
20	Đại học	7220209	Ngôn ngữ Nhật	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	6	NL1							
21	Đại học	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	201	Xét học bạ theo tổng điểm	53	TTB							

					trung bình 03 học kỳ									
22	Đại học	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	33	A01		D01		D14		D15	
23	Đại học	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	40	A01		D01		D14		D15	
24	Đại học	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	6	NL1							
25	Đại học	7310106	Kinh tế quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt	22	A00		A01		C00		D01	

					nghiệp THPT năm 2023									
26	Đại học	7310106	Kinh tế quốc tế	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	26	A00		A01		C00		D01	
27	Đại học	7310106	Kinh tế quốc tế	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	35	TTB							
28	Đại học	7310106	Kinh tế quốc tế	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	5	NL1							
29	Đại học	7310206	Quan hệ quốc tế	100	Xét kết quả thi	35	A01		D01		D14		D15	

					tốt nghiệp THPT năm 2023									
30	Đại học	7310206	Quan hệ quốc tế	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	42	A01		D01		D14		D15	
31	Đại học	7310206	Quan hệ quốc tế	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	7	NL1							
32	Đại học	7310206	Quan hệ quốc tế	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	56	TTB							
33	Đại	7310401	Tâm lý học	200	Xét học	20	C00		D01		D14		D15	

	học				bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn									
34	Đại học	7310401	Tâm lý học	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	17	C00		D01		D14		D15	
35	Đại học	7310401	Tâm lý học	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	26	TTB							
36	Đại học	7310401	Tâm lý học	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	3	NL1							

37	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	21	A00		A01		C00		D01	
38	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	28	TTB							
39	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	18	A00		A01		C00		D01	
40	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HC	3	NL1							

					M)									
41	Đại học	7320106	Công nghệ truyền thông	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	28	A00		A01		C00		D01	
42	Đại học	7320106	Công nghệ truyền thông	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	23	A00		A01		C00		D01	
43	Đại học	7320106	Công nghệ truyền thông	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	4	NL1							
44	Đại học	7320106	Công nghệ truyền thông	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung	37	TTB							

					bình 03 học kỳ									
45	Đại học	7320108	Quan hệ công chúng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	50	A00		A01		C00		D01	
46	Đại học	7320108	Quan hệ công chúng	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	60	A00		A01		C00		D01	
47	Đại học	7320108	Quan hệ công chúng	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	80	TTB							
48	Đại học	7320108	Quan hệ công chúng	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023	10	NL1							

					(ĐHQG TP.HCM)									
49	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	153	A00		A01		C00		D01	
50	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	183	A00		A01		C00		D01	
51	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	244	TTB							
52	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm	30	NL1							

					2023 (ĐHQG TP.HCM)									
53	Đại học	7340101G	Quản trị kinh doanh và Marketing (liên kết với Đại học Gloucestershire)	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	18	A00		A01		C00		D01	
54	Đại học	7340101G	Quản trị kinh doanh và Marketing (liên kết với Đại học Gloucestershire)	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	24	TTB							
55	Đại học	7340101G	Quản trị kinh doanh và Marketing (liên kết với Đại học Gloucestershire)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	15	A00		A01		C00		D01	
56	Đại học	7340101G	Quản trị kinh doanh và Marketing (liên	402	Xét kết quả thi ĐGNL	3	NL1							

			kết với Đại học Gloucestershire)		năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)									
57	Đại học	7340101K	Quản trị kinh doanh (liên kết với Đại học KeuKa)	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	18	A00		A01		C00		D01	
58	Đại học	7340101K	Quản trị kinh doanh (liên kết với Đại học KeuKa)	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	24	TTB							
59	Đại học	7340101K	Quản trị kinh doanh (liên kết với Đại học KeuKa)	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	3	NL1							
60	Đại	7340101K	Quản trị kinh	100	Xét kết	15	A00		A01		C00		D01	

	học		doanh (liên kết với Đại học KeuKa)		quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023									
61	Đại học	7340114	Digital Marketing	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	24	TTB							
62	Đại học	7340114	Digital Marketing	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	3	NL1							
63	Đại học	7340114	Digital Marketing	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	15	A00		A01		C00		D01	

					năm 2023									
64	Đại học	7340114	Digital Marketing	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	18	A00		A01		C00		D01	
65	Đại học	7340115	Marketing	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	140	A00		A01		C00		D01	
66	Đại học	7340115	Marketing	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	168	A00		A01		C00		D01	
67	Đại học	7340115	Marketing	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	224	TTB							

68	Đại học	7340115	Marketing	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	28	NL1							
69	Đại học	7340116	Bất động sản	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	16	A00		A01		C00		D01	
70	Đại học	7340116	Bất động sản	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	20	A00		A01		C00		D01	
71	Đại học	7340116	Bất động sản	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03	26	TTB							

					học kỳ									
72	Đại học	7340116	Bất động sản	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	3	NL1							
73	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	120	A00		A01		C00		D01	
74	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	144	A00		A01		C00		D01	
75	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung	192	TTB							

					bình 03 học kỳ									
76	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	24	NL1							
77	Đại học	7340120L	Kinh doanh quốc tế (liên kết với Đại học Leeds Trinity)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	15	A00		A01		C00		D01	
78	Đại học	7340120L	Kinh doanh quốc tế (liên kết với Đại học Leeds Trinity)	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	18	A00		A01		C00		D01	
79	Đại học	7340120L	Kinh doanh quốc tế (liên kết với Đại học Leeds Trinity)	201	Xét học bạ theo tổng điểm	24	TTB							

					trung bình 03 học kỳ									
80	Đại học	7340120L	Kinh doanh quốc tế (liên kết với Đại học Leeds Trinity)	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	3	NL1							
81	Đại học	7340121	Kinh doanh thương mại	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	33	A00		A01		C00		D01	
82	Đại học	7340121	Kinh doanh thương mại	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	40	A00		A01		C00		D01	
83	Đại học	7340121	Kinh doanh thương mại	201	Xét học bạ theo tổng	53	TTB							

					điểm trung bình 03 học kỳ									
84	Đại học	7340121	Kinh doanh thương mại	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	6	NL1							
85	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	58	A00		A01		C01		D01	
86	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	69	A00		A01		C01		D01	
87	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	201	Xét học bạ theo	92	TTB							

					tổng điểm trung bình 03 học kỳ									
88	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	11	NL1							
89	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	28	NL1							
90	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	140	A00		A01		C01		D01	

					năm 2023									
91	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	168	A00		A01		C01		D01	
92	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	224	TTB							
93	Đại học	7340205	Công nghệ tài chính	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	20	A00		A01		C01		D01	
94	Đại học	7340205	Công nghệ tài chính	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	26	TTB							

95	Đại học	7340205	Công nghệ tài chính	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	16	A00		A01		C01		D01	
96	Đại học	7340205	Công nghệ tài chính	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	3	NL1							
97	Đại học	7340206	Tài chính quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	16	A00		A01		C01		D01	
98	Đại học	7340206	Tài chính quốc tế	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm	3	NL1							

					2023 (ĐHQG TP.HCM)									
99	Đại học	7340206	Tài chính quốc tế	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	20	A00		A01		C01		D01	
100.	Đại học	7340206	Tài chính quốc tế	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	26	TTB							
101	Đại học	7340301	Kế toán	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	15	NL1							
102	Đại học	7340301	Kế toán	100	Xét kết quả thi	78	A00		A01		C01		D01	

					tốt nghiệp THPT năm 2023									
103	Đại học	7340301	Kế toán	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	94	A00		A01		C01		D01	
104	Đại học	7340301	Kế toán	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	125	TTB							
105	Đại học	7340302	Kiểm toán	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	26	TTB							
106	Đại học	7340302	Kiểm toán	402	Xét kết quả thi	3	NL1							

					ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)									
107	Đại học	7340302	Kiểm toán	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	17	A00		A01		C01		D01	
108	Đại học	7340302	Kiểm toán	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	20	A00		A01		C01		D01	
109	Đại học	7340404	Quản trị nhân lực	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	39	A00		A01		C00		D01	
110	Đại	7340404	Quản trị nhân	402	Xét kết	8	NL1							

	học		lực		quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)									
111	Đại học	7340404	Quản trị nhân lực	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	47	A00		A01		C00		D01	
112	Đại học	7340404	Quản trị nhân lực	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	62	TTB							
113	Đại học	7340412	Quản trị sự kiện	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	20	A00		A01		C00		D01	
114	Đại học	7340412	Quản trị sự kiện	100	Xét kết quả thi	16	A00		A01		C00		D01	

					tốt nghiệp THPT năm 2023									
115	Đại học	7340412	Quản trị sự kiện	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	3	NL1							
116	Đại học	7340412	Quản trị sự kiện	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	26	TTB							
117	Đại học	7380101	Luật	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	40	A00		A01		C00		D01	
118	Đại	7380101	Luật	402	Xét kết	6	NL1							

	học				quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)									
119	Đại học	7380101	Luật	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	33	A00		A01		C00		D01	
120	Đại học	7380101	Luật	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	53	TTB							
121	Đại học	7380107	Luật kinh tế	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	81	A00		A01		C00		D01	

122	Đại học	7380107	Luật kinh tế	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	108	TTB							
123	Đại học	7380107	Luật kinh tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	68	A00		A01		C00		D01	
124	Đại học	7380107	Luật kinh tế	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	13	NL1							
125	Đại học	7380108	Luật quốc tế	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp	25	A00		A01		C00		D01	

					THPT năm 2023									
126	Đại học	7380108	Luật quốc tế	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	40	TTB							
127	Đại học	7380108	Luật quốc tế	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	5	NL1							
128	Đại học	7380108	Luật quốc tế	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	30	A00		A01		C00		D01	
129	Đại học	7460108	Khoa học dữ liệu	200	Xét học bạ lớp 12 theo	21	A00		A01		C01		D01	

					tổ hợp 03 môn									
130	Đại học	7460108	Khoa học dữ liệu	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	18	A00		A01		C01		D01	
131	Đại học	7460108	Khoa học dữ liệu	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	28	TTB							
132	Đại học	7460108	Khoa học dữ liệu	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	3	NL1							
133	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	100	Xét kết quả thi	95	A00		A01		C01		D01	

					tốt nghiệp THPT năm 2023									
134	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	114	A00		A01		C01		D01	
135	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	152	TTB							
136	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	19	NL1							
137	Đại	7510605	Logistics và	201	Xét học	112	TTB							

	học		quản lý chuỗi cung ứng		bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ								
138	Đại học	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	14	NL1						
139	Đại học	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	70	A00		A01		C00		D01	
140	Đại học	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	84	A00		A01		C00		D01	

141	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	25	A00		A01		C00		D01	
142	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	40	TTB							
143	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	5	NL1							
144	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp	30	A00		A01		C00		D01	

					03 môn									
145	Đại học	7810201	Quản trị khách sạn	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	12	NL1							
146	Đại học	7810201	Quản trị khách sạn	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	60	A00		A01		C00		D01	
147	Đại học	7810201	Quản trị khách sạn	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	72	A00		A01		C00		D01	
148	Đại học	7810201	Quản trị khách sạn	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung	96	TTB							

					bình 03 học kỳ									
149	Đại học	7810201G	Quản trị khách sạn và Du lịch quốc tế (liên kết với đại học Gloucestershire)	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	9	A00		A01		C00		D01	
150	Đại học	7810201G	Quản trị khách sạn và Du lịch quốc tế (liên kết với đại học Gloucestershire)	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm 2023 (ĐHQG TP.HCM)	1	NL1							
151	Đại học	7810201G	Quản trị khách sạn và Du lịch quốc tế (liên kết với đại học Gloucestershire)	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	8	A00		A01		C00		D01	
152	Đại học	7810201G	Quản trị khách sạn và Du lịch quốc tế (liên kết với đại học	201	Xét học bạ theo tổng điểm	12	TTB							

			Gloucestershire)		trung bình 03 học kỳ									
153	Đại học	7810202	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023	30	A00		A01		C00		D01	
154	Đại học	7810202	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	200	Xét học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn	36	A00		A01		C00		D01	
155	Đại học	7810202	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	201	Xét học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ	48	TTB							
156	Đại học	7810202	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	402	Xét kết quả thi ĐGNL năm	6	NL1							

					2023 (ĐHQG TP.HCM)									

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

1.6.1. Chương trình đào tạo đại học chính quy (do UEF cấp bằng):

Thông tin mã trường, mã ngành, tổ hợp xét tuyển theo bảng dưới đây:

Tên trường Ngành học	**Ký hiệu trường**	**Mã ngành**	**Tổ hợp môn xét tuyển của PT1 (100), PT2 (200)**	**Dự kiến chỉ tiêu**	**Ghi chú**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
Các ngành đào tạo trình độ đại học:	**UEF**			**6.610**	

Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển của PT1 (100), PT2 (200)	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú
Quản trị kinh doanh		7340101		610	- Phương

Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển của PT1 (100), PT2 (200)	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú
Kinh doanh quốc tế		7340120	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh D01: Văn, Toán, Anh C00: Văn, Sử, Địa A00: Toán, Lý, Hóa	480	trung bình 03 học kỳ. - Vùng TS: tuyển sinh trong cả nước.

Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển của PT1 (100), PT2 (200)	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú
Marketing		7340115	A01: Toán, Lý, Anh D01: Văn, Toán, Anh C00: Văn, Sử, Địa	560	
Digital Marketing		7340114		60	
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		7510605		280	
Kinh doanh thương mại		7340121		132	
Bất động sản		7340116		65	
Quản trị nhân lực		7340404		156	
Kinh tế quốc tế		7310106		88	
Luật		7380101		132	
Luật kinh tế		7380107		270	
Luật quốc tế		7380108		100	
Quản trị khách sạn		7810201		260	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		7810103		100	
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống		7810202		130	
Quan hệ công chúng		7320108		280	
Công nghệ truyền thông		7320106		92	
Quản trị sự kiện		7340412		65	
Truyền thông đa phương tiện		7320104		100	
Kế toán		7340301	A00: Toán, Lý, Hóa	312	

Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển của PT1 (100), PT2 (200)	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú
Kiểm toán		7340302	A01: Toán, Lý, Anh D01: Văn, Toán, Anh C01: Văn, Toán, Lý	66	
Tài chính – Ngân hàng		7340201		560	
Tài chính quốc tế		7340206		65	
Công nghệ tài chính		7340205		65	
Công nghệ thông tin		7480201		380	
Khoa học dữ liệu		7460108		72	
Thiết kế đồ họa		7210403		78	
Thương mại điện tử		7340122		230	
Quan hệ quốc tế		7310206	A01: Toán, Lý, Anh D01: Văn, Toán, Anh D14: Văn, Sử, Anh D15: Văn, Địa, Anh	140	
Ngôn ngữ Nhật (*)		7220209		132	
Ngôn ngữ Anh		7220201		220	
Ngôn ngữ Hàn Quốc		7220210		132	
Ngôn ngữ Trung Quốc		7220204		132	
Tâm lý học		7310401	C00: Văn, Sử, Địa D01: Văn, Toán, Anh D14: Văn, Sử, Anh D15: Văn, Địa, Anh	66	

(*) Với ngành Ngôn ngữ Nhật, thí sinh có thể sử dụng tiếng Nhật thay cho tiếng Anh để xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12.

- Thí sinh có thể chọn 1 trong 4 tổ hợp môn dùng để xét tuyển (đối với phương thức 1 và 2).

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp môn xét tuyển: không phân biệt.

- Điều kiện phụ: trong trường hợp các thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì sử dụng điều kiện phụ:

+ Ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Quan hệ quốc tế: điểm môn tiếng Anh.

+ Các ngành khác: điểm môn Toán (*khối xét: A00, A01, C01, D01*); môn Văn (*khối xét: C00*).

1.6.2. Chương trình đào tạo đại học liên kết quốc tế (do trường liên kết cấp bằng):

Thông tin mã trường, mã ngành, tổ hợp xét tuyển theo bảng dưới đây:

Tên trường Ngành học	**Ký hiệu trường**	**Mã ngành**	**Tổ hợp môn xét tuyển của PT1 (100), PT2 (200)**	**Dự kiến chỉ tiêu**	**Ghi chú**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
Các ngành đào tạo trình độ đại học:	**UEF**			**240**	- Phương thức TS (*04 phương thức*):

Tên trường Ngành học	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển của PT1 (100), PT2 (200)	Dự kiến chỉ tiêu	Ghi chú
Quản trị kinh doanh và Marketing (liên kết với Đại học Gloucestershire)		7340101G	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Anh D01: Văn, Toán, Anh C00: Văn, Sử, Địa	60	- Phương thức TS (*04 phương thức*): (1) 100 - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023. (2) 402 - Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia TP.HCM năm 2023. (3) 200 - Xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn. (4) 201 - Xét tuyển học bạ tổng điểm trung bình 03 học kỳ. - Vùng TS: tuyển sinh trong cả nước.
Quản trị kinh doanh (liên kết với Đại học KeuKa)		7340101K		60	
Kinh doanh quốc tế (liên kết với Đại học Leeds Trinity)		7340120L		60	
Quản trị khách sạn và Du lịch quốc tế (liên kết với Đại học Gloucestershire)		7810201G		30	
Tiếng Anh và Ngôn ngữ học (liên kết với Đại học Gloucestershire)		7220201G	A01: Toán, Lý, Anh D01: Văn, Toán, Anh D14: Văn, Sử, Anh D15: Văn, Địa, Anh	30	

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.
Thực hiện theo Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7.1. Chương trình đào tạo đại học chính quy (do UEF cấp bằng):

a) Phương thức (1) 100 - Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
- Lịch tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:Thí sinh đăng ký xét tuyển và nộp lệ phí dự xét tuyển theo quy định.
b) Phương thức (2) 200 - Xét tuyển học bạ lớp 12 theo tổ hợp 03 môn.
- Lịch tuyển sinh (dự kiến):
+ Đợt 1: 16/02 – 31/05/2023 + Đợt 2: 01/06 – 30/06/2023
+ Đợt 3: 01/07 – 15/07/2023 + Đợt 4: 16/07 – 31/07/2023
+ Đợt 5: 01/08 – 15/08/2023 + Đợt 6: 16/08 – 31/08/2023
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển
+ Đơn đăng ký xét tuyển, theo mẫu của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM.
+ Bản photo công chứng học bạ THPT.
+ Bản photo công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc GCN tốt nghiệp THPT.
+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và phí dự xét tuyển qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh; bằng phương thức trực tuyến (online) tại địa chỉ: www.uef.edu.vn; hoặc nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường.
Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Văn phòng Tư vấn tuyển sinh,

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM, 141-145 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM.
c) Phương thức (3) 201 - Xét tuyển học bạ theo tổng điểm trung bình 03 học kỳ.
- Lịch tuyển sinh (dự kiến):
+ Đợt 1: 16/02 – 31/05/2023 + Đợt 2: 01/06 – 30/06/2023
+ Đợt 3: 01/07 – 15/07/2023 + Đợt 4: 16/07 – 31/07/2023
+ Đợt 5: 01/08 – 15/08/2023 + Đợt 6: 16/08 – 31/08/2023
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển

+ Đơn đăng ký xét tuyển, theo mẫu của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM.
+ Bản photo công chứng học bạ THPT.
+ Bản photo công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc GCN tốt nghiệp THPT.
+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và phí dự xét tuyển qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh; bằng phương thức trực tuyến (online) tại địa chỉ: www.uef.edu.vn; hoặc nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường.
Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Văn phòng Tư vấn tuyển sinh,

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM, 141-145 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM.
d) Phương thức (4) 402 - Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Lịch tuyển sinh (dự kiến): theo quy định của Trường (căn cứ vào các kỳ thi do Đại học Quốc Gia TP.HCM tổ chức)
Thí sinh có thể xem các thông tin liên quan đến kỳ thi đánh giá năng lực, điểm xét tuyển, kết quả xét tuyển, ... tại địa chỉ website: www.uef.edu.vn/thi-nang-luc.
- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:
+ Đơn đăng ký xét tuyển, theo mẫu của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM.
+ Bản photo công chứng Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực năm 2023 của Đại học Quốc gia TP.HCM.
+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
Lưu ý: Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng xét tuyển.
Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển và phí dự xét tuyển qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh; bằng phương thức trực tuyến (online) tại địa chỉ www.uef.edu.vn/thi-nang-luc; hoặc nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường.
Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Văn phòng Tư vấn tuyển sinh,

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM, 141-145 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP.HCM. Hoặc thí sinh có thể đăng ký xét tuyển vào UEF theo hình thức trực tuyến trên cổng đăng ký dự thi ĐGNL và xét tuyển năm 2023 của Đại học Quốc Gia TP.HCM.

1.7.2. Chương trình đào tạo đại học liên kết quốc tế (do trường liên kết cấp bằng):

7.2.2.1. Chương trình liên kết đào tạo với Trường Đại học Gloucestershire (Vương quốc Anh):

a) Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển (dự kiến): Từ ngày 01/03/2023 đến 31/08/2023.

b) Lệ phí hồ sơ xét tuyển: 30.000 đồng.
c) Hồ sơ dự tuyển:

- 01 Đơn xét tuyển (theo mẫu Trường Đại học Gloucestershire);
- 01 bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận TNTT;
- 01 bản sao Học bạ THPT;
- 01 bản sao chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có).

7.2.2.2. Chương trình liên kết đào tạo với Trường Đại học Leeds Trinity (Vương quốc Anh):

a) Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển (dự kiến): Từ ngày 01/03/2023 đến 31/08/2023.
b) Lệ phí hồ sơ xét tuyển: 30.000 đồng.
c) Hồ sơ dự tuyển:

- 01 Đơn xét tuyển (theo mẫu Trường Đại học Leeds Trinity);
- 01 bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận TNTT;
- 01 bản sao Học bạ THPT;
- 01 bản sao chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có).

7.2.2.3. Chương trình liên kết đào tạo với Trường Đại học Keuka (Hoa kỳ):

a) Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển (dự kiến): Từ ngày 01/03/2023 đến 31/08/2023.
b) Lệ phí hồ sơ xét tuyển: 30.000 đồng.
c) Hồ sơ dự tuyển:

- 01 Đơn xét tuyển (theo mẫu Trường Đại học Keuka);
- 01 bản sao bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận TNTT;
- 01 bản sao Học bạ THPT;
- 01 bản sao chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có).

Địa điểm nộp hồ sơ và hướng dẫn thủ tục
Viện Quốc tế
Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

Số 141 - 145 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 5422 1374
Hotline: 091 606 1080
Email: tuyensinhquocte@uef.edu.vn
Website: https://www.uef.edu.vn/vdtqt

1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Chỉ áp dụng cho Chương trình đào tạo đại học chính quy (do UEF cấp bằng)

1.8.1. Điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng:

Thực hiện theo Quyết định số: 164/QĐ-UEF, ngày 01/03/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học. Căn cứ Điều 7. Của quy chế này.

1. Ưu tiên theo khu vực (căn cứ Phụ lục I của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo địa chỉ thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;
- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

d) Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (căn cứ Phụ lục II của Quy chế)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;
b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;
c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.
3. Các mức điểm ưu tiên quy định trong Điều này được quy định tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.
4. Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:
Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều này

1.8.2. Điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng được quy đổi cho từng phương thức xét tuyển.

a/- Đối với phương thức 1 (100), phương thức 2 (200) và phương thức 3 (201):

Mức điểm ưu tiên được xác định như sau: mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa 02 nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (*một điểm*), giữa 02 khu vực kế tiếp là 0,25 điểm (*một phần tư điểm*) tương ứng. Mức điểm ưu tiên theo bảng sau:

	KV1 (0,75)	**KV2-NT** (0,5)	**KV2** (0,25)	**KV3** (0,0)
Nhóm ưu tiên 1 (2,0)	2,75	2,5	2,25	2
Nhóm ưu tiên 2 (1,0)	1,75	1,5	1,25	1
Nhóm không ưu tiên (0,0)	0,75	0,5	0,25	0

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên.

- Điểm ưu tiên được cộng với Tổng điểm các bài thi/ môn thi (*kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023*) hoặc Tổng điểm trung bình lớp 12 các môn trong tổ hợp môn

(*theo học bạ lớp 12*) hoặc Tổng điểm trung bình của 03 học kỳ.

b/- Đối với phương thức 4 (402):

Mức điểm ưu tiên (*quy đổi*) được xác định như sau: mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa 02 nhóm đối tượng kế tiếp là 40 điểm (*bốn mươi điểm*), giữa 02 khu vực kế tiếp là 10 điểm (*mười điểm*) tương ứng. Mức điểm ưu tiên theo bảng sau:

	KV1 (30,0)	**KV2-NT** (20,0)	**KV2** (10,0)	**KV3** (00,0)
Nhóm ưu tiên 1 (80,0)	110	100	90	80
Nhóm ưu tiên 2 (40,0)	70	60	50	40
Nhóm không ưu tiên (0,0)	30	20	10	0

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 900 trở lên xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(1200 – Điểm ĐGNL)/300] x Mức điểm ưu tiên.

- Điểm ưu tiên được cộng với Tổng điểm kỳ thi đánh giá năng lực (*theo thang 1.200 điểm*).

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT trong đợt 1: theo quy định của Bộ GDĐT.

- Xét tuyển theo phương thức khác: 30.000 đồng/ hồ sơ.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.10.1. Chương trình đào tạo đại học chính quy (do UEF cấp bằng):

a) Học phí:

- Học phí được xây dựng trên cơ sở học chế tín chỉ. Học phí thu vào đầu mỗi học kỳ, phụ thuộc vào số tín chỉ sinh viên đăng ký trong học kỳ đó. Một năm có 4 học kỳ.

- Học phí bình quân: 18 - 20 triệu đồng/học kỳ (*Học phí đã bao gồm 7 cấp độ tiếng Anh*). Sinh viên khi nhập học có chứng chỉ IELTS từ 5.0 đến < 5,5 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được miễn học 3 cấp độ tiếng Anh đầu khoảng 25 triệu đồng; từ 5,5 trở lên được miễn học 4 cấp độ tiếng Anh đầu khoảng 33 triệu đồng.

- Mức học phí này sẽ ổn định trong suốt năm học và có thể thay đổi vào năm tiếp theo nhưng không quá 6 %/năm.

b) Chính sách học bổng:

* Học bổng tuyển sinh năm 2023:

Thí sinh tham gia xét tuyển vào UEF ở các phương thức đều có cơ hội nhận được các suất học bổng tương ứng 100%, 50%, 25%, số lượng không hạn chế:

<table>
<tr><th>Mức học bổng</th><th>Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023
(tổ hợp 3 môn xét tuyển)</th><th>Điểm học bạ lớp 12
(Tổng điểm 03 môn xét tuyển;Điểm 03 học kỳ)</th><th>Điểm thi đánh giá năng lực năm 2023
(thang điểm 1.200)</th><th>Điều kiện duy trì mỗi năm học
(theo thang điểm 4.0)</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Học bổng 25%</td><td>Từ 22 đến dưới 25 điểm</td><td>Từ 25 đến dưới 26.5 điểm</td><td>Từ 840 đến dưới 960 điểm</td><td rowspan="2">• Điểm TB tích lũy mỗi năm đạt từ 3.3
• Điểm đánh giá rèn luyện năm học ≥ 65</td></tr>
<tr><td colspan="3">Thí sinh đạt chứng chỉ ngoại ngữ: IELTS từ 6.0</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Học bổng 50%</td><td>Từ 25 đến dưới 27 điểm</td><td>Từ 26.5 đến dưới 29 điểm</td><td>Từ 960 đến dưới 1.080 điểm</td><td rowspan="2">• Điểm TB tích lũy mỗi năm đạt từ 3.5
• Từ 3.3 đến dưới 3.5 nhận học bổng 25%
• Điểm đánh giá rèn luyện năm học ≥ 65</td></tr>
<tr><td colspan="3">Thí sinh đạt chứng chỉ ngoại ngữ: IELTS từ 6.5</td></tr>
<tr><td>Học bổng 100%</td><td>Từ 27 đến 30 điểm</td><td>Từ 29 đến 30 điểm</td><td>Từ 1.080 đến 1.200 điểm</td><td>• Điểm TB tích lũy mỗi năm đạt từ 3.7</td></tr>
</table>

Mức học bổng	Điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023 *(tổ hợp 3 môn xét tuyển)*	Điểm học bạ lớp 12 *(Tổng điểm 03 môn xét tuyển;Điểm 03 học kỳ)*	Điểm thi đánh giá năng lực năm 2023 *(thang điểm 1.200)*	Điều kiện duy trì mỗi năm học *(theo thang điểm 4.0)*
	Thí sinh đạt chứng chỉ ngoại ngữ: IELTS từ 7.0			• Điểm TB tích lũy mỗi năm đạt từ 3.7 • Từ 3.5 đến dưới 3.7 nhận học bổng 50% • Từ 3.3 đến dưới 3.5 nhận học bổng 25% • Điểm đánh giá rèn luyện năm học ≥ 65

Lưu ý: Điểm dùng để xét học bổng không bao gồm điểm ưu tiên.

* Học bổng doanh nghiệp tài trợ 30% - 40% : (16 ngành)

Học bổng	Ngành đào tạo	
Học bổng 40%	Ngôn ngữ Nhật,	Ngôn ngữ Trung Quốc
	Ngôn ngữ Hàn Quốc	
Học bổng 30%	Tâm lý học	Khoa học dữ liệu
	Quan hệ quốc tế	Thiết kế đồ họa
	Quản trị sự kiện	Thương mại điện tử

	Quan hệ công chúng	Quản trị khách sạn
	Công nghệ truyền thông	Quản trị dịch vụ du lịch – lữ hành
	Truyền thông đa phương tiện	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
	Công nghệ thông tin	

Học bổng áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 và không áp dụng với các chính sách học bổng khác.

* Học bổng Tài năng:

Học bổng	**Đối tượng**	**Điều kiện duy trì mỗi năm học** *(theo thang điểm 4.0)*
Học bổng 100%	• Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. • Thí sinh trong đội tuyển quốc gia.	• Điểm TB tích lũy mỗi năm đạt từ 3.7 • Từ 3.5 đến dưới 3.7 nhận học bổng 50% • Từ 3.3 đến dưới 3.5 nhận học bổng 25% • Điểm đánh giá rèn luyện năm học ≥ 65
	• Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các cuộc thi Văn hóa – Văn nghệ - Thể thao cấp quốc gia trở lên	• Điểm TB tích lũy mỗi năm đạt từ 3.3 • Điểm đánh giá rèn luyện năm học ≥ 65

* Học bổng Giáo dục:

Năm 2023, UEF còn thực hiện chính sách học bổng ưu đãi đặc biệt trị giá **40% suốt khóa học** cho đối tượng thí sinh là con, em của cán bộ, giáo viên, nhân viên các Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT trên toàn quốc.

1.10.2. Chương trình đào tạo đại học liên kết quốc tế (do trường liên kết cấp bằng):

Nhà trường cấp học bổng tuyển sinh cho các Chương trình liên kết đào tạo với Trường Đại học Gloucestershire (Vương quốc Anh), Trường Đại học Leeds Trinity (Vương quốc Anh), Trường Đại học Keuka (Hoa Kỳ):

Học bổng: Thí sinh được nhận học bổng tuyển sinh tham gia xét tuyển vào trường khi đáp ứng các điều kiện sau:

Học bổng	**Điểm thi** tốt nghiệp THPT (Tổ hợp 3 môn)	**Điểm học bạ lớp 12** (Tổ hợp 3 môn)	**Điểm học bạ** 3 học kỳ	**Điểm thi** đánh giá năng lực (Thang điểm 1.200)	**Điều kiện duy trì** mỗi năm (Theo thang điểm 4.0)
25%	22 đến dưới 25	22 đến dưới 26.5	22 đến dưới 26.5	840 đến dưới 960	Điểm TB tích lũy mỗi năm đạt từ 3.3 Điểm đánh giá rèn luyện năm học >= 65
50%	25 đến 30	26.5 đến 30	26.5 đến 30	960 đến 1.200	Điểm TB tích lũy mỗi năm đạt từ 3.5. Từ 3.3 đến dưới 3.5 nhận học bổng 25%. Điểm đánh giá rèn luyện năm học >= 65

Lưu ý: Mức học bổng tuyển sinh chỉ áp dụng cho giai đoạn 1 (năm 1 và năm 2) của khóa học.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	**Tiêu đề**	**Nội dung**

1	Đợt 2	từ ngày 01/09/2023 – 15/09/2023 (nếu có)
2	Đợt 1	theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

a) Nội dung hợp tác giữa UEF và đối tác doanh nghiệp:

Trách nhiệm của đối tác doanh nghiệp:

- Tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập hàng năm; giới thiệu các chuyên viên giỏi để làm giáo viên hướng dẫn thực hành trong quá trình sinh viên kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp.
- Phối hợp tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề về kinh nghiệm nghề nghiệp và những kỹ năng cần thiết cho sinh viên làm việc trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tham gia đóng góp vào việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo của UEF.
- Cử chuyên viên tham gia giảng dạy, thuyết trình, hội thảo tại UEF.
- Tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp (theo nhu cầu của doanh nghiệp).
- Tùy vào chiến lược và chương trình hoạt động của doanh nghiệp, tham gia đóng góp vào Quỹ hỗ trợ học tập hoặc Quỹ học bổng của UEF; Tài trợ cho các hoạt động học thuật của sinh viên như: các cuộc thi học thuật, các khoá huấn luyện kỹ năng, các buổi báo cáo chuyên đề…

Trách nhiệm của UEF:

- Lập kế hoạch gửi sinh viên đến kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp với số lượng thỏa thuận theo từng năm.
- Ưu tiên cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.
- Tổ chức các khóa huấn luyện chuyên môn cho doanh nghiệp với mức học phí ưu đãi khi doanh nghiệp có nhu cầu.

- Quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp trên website của UEF và các phương tiện truyền thông khác khi UEF tổ chức các sự kiện.

- Phối hợp với doanh nghiệp trong việc nghiên cứu các đề tài khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trợ giúp doanh nghiệp trong việc tiếp cận đội ngũ quản lý, giảng viên, nhân viên, sinh viên của UEF nói riêng và của xã hội nói chung, tùy thuộc vào các nội dung mà doanh nghiệp cần hợp tác.

b) Danh sách doanh nghiệp đã hợp tác trong quá trình đào tạo và tổ chức cho sinh viên thực hành, thực tập:
Khối ngành du lịch:

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt đầu phối hợp đào tạo
1	Công ty CP Sài gòn Food	2018
2	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	2018
3	Khách Sạn Winsor Plaza (5 sao)	2018
4	Công ty CP Tập đoàn Hà Đô - CN Khách sạn IBIS Hà Đô	2019
5	Chi nhánh Công ty CP Du Lịch Dịch vụ & Đầu tư Xây dựng Hội An - Botique	2019
6	Công ty Le Padam - Cheese Bar	2019
7	Công ty TNHH MTV Khách sạn quốc tế Bình Minh	2019
8	Công ty TNHH Savills (Việt Nam) - CN TP.HCM	2019
9	Công ty VietNam Travel Group	2019

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt
10	DNTN Moonlight Hotel	2019
11	Dreamer Dessert Bar	2019
12	Gem Center - Phú Quý Group	2019
13	Khách sạn Caravelle Saigon	2019
14	Khách sạn Kim Đô	2019
15	Khách sạn Mường Thanh Grand Sài Gòn Centre	2019
16	Khách sạn New World SaiGon	2019
17	Khách sạn OAKWOOD	2019
18	Khách sạn Quinter Central Nha Trang	2019
19	Khách sạn Ramana Saigon	2019
20	Khách sạn Thiên Hồng	2019
21	Tập đoàn Quản lý Bất động sản Winsor (WMC Group)	2019
22	Tập Đoàn Uni Brands	2019
23	Công ty CP Du lịch lữ hành Fiditour	2019
24	Khách sạn Intercontinental Saigon	2019
25	Công ty CP Việt Thái Quốc Tế - VTI	2019
26	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Dic	2019
27	Công Ty Cổ Phần Quê Hương Liberty	2019
28	Công ty TNHH Đầu Tư Dịch vụ Nhà hàng - Khách sạn An Lan	2019

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt đầu
29	Công ty TNHH Commeasure Solution Việt Nam	2019
30	Công ty Cổ phần Win Way Việt Nam	2019
31	Công ty TNHH Du lịch Việt Pearl	2019
32	Công ty TNHH MTV DV DL Nụ Cười Vàng (Golden smile travel)	2019
33	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Kiwi	2019
34	Khách sạn New World Sài Gòn (thuộc Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Inn)	2019
35	Công ty Tribe Hospitality	2020
36	Khách Sạn Mia Saigon	2020
37	Công Ty TNHH Ca Cao Xuân Ron Chợ Gạo (Alluvia Chocolate)	2022
38	Công Ty TNHH Du Lịch Lửa Việt	2022
39	Công Ty CP Du Lịch Sa Huỳnh	2022
40	Công Ty CP Dịch Vụ Thương Mai Du Lịch Viettourist	2022
41	Công Ty CP Thực Phẩm Takahiro	2022
42	Công Ty CP Giáo Dục và Đào Tạo Imap Việt Nam	2022
43	Công Ty CP Khách Sạn Sài Gòn (SGH) - Saigon Hotel Corporation	2022
44	Hotel Des Arts Saigon - Mgallery	2022
45	Công Ty CP Good Day Hospitality	2022
46	Hãng Hàng không Eva Airways	2022

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt
47	Công Ty TNHH Học Viện Barista Quốc Tế	2022
48	Công Ty CP Vinpearl	2022
49	Hội đồng kinh doanh VIỆT NAM - CAM PU CHIA, Tập đoàn MARRIOTT INTERNATIONAL	2022
50	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	2022
51	Hiệp hội Nhà 0hàng Việt Nam	2022
52	Golden Gate Group (HCM Branch)	2022
53	Công ty CP Mai House Hospitality Việt Nam	2022
54	Pullman Saigon Centre Hotel	2022
55	La Vela Saigon Hotel	2022
56	The Myst Dong Khoi Hotel	2022
57	Vietmark Co.Ltd	2022
58	Công ty Du lịch Thương Hiệu Việt	2022

Ngành Công nghệ thông tin:

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt đầu phối hợp đào tạo
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT	2017
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - FPTS	2017
3	Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm Larion	2017
4	Công ty TNHH Phần Mềm SS4U	2018
5	Công ty Mắt Bảo PBO	2018
6	Công ty Cổ phần MISA	2018
7	DEK Technoligies (Úc)	2018
8	Công ty TNHH Creasia	2018
9	Công ty Cổ Phần Chứng khoán SSI	2018
10	Công Ty CP Manny (Creatory)	2019
11	Công ty TNHH Commeasure Solution Việt Nam	2019
12	Công ty TNHH Giải pháp quản trị Đông Dương	2019
13	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)	2019
14	Công ty Cổ phần Aladin	2019
15	Công ty TNHH Solazu	2019
16	Công ty CP Manny (Creatory)	2019

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt đầu
17	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Vsetgroup	2020
18	Cty TNHH Phần Mềm FPT Hồ Chí Minh	2020
19	Công ty TNHH DXC Technology Services Việt Nam	2020
20	Happy All Technology Jsc.,	2020
21	Công ty TNHH Giải pháp Doanh Nghiệp Toàn Cầu	2020
22	Công Ty TNHH Pizitech (Pizitech Co., Ltd)	2021
23	Công Ty TNHH Hệ Thống Thông Tin FPT - CN Tại Tp. Hồ Chí Minh	2021
24	Công Ty CP Tập Đoàn Chuyển Đổi Số Nextpay	2021
25	Công Ty CP Tập Đoàn Nexttech	2021
26	Công Ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Tường Minh (TMA Solutions)	2021
27	Công Ty CP Thương Mại Vạn Xuân (Vantech)	2021
28	Công Ty CP Vinova HCM	2021
29	Công Ty TNHH P.A Việt Nam	2021
30	Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam	2022
31	Công ty TNHH Jobtest	2022

a) Nội dung hợp tác giữa UEF và đối tác doanh nghiệp:
Trách nhiệm của đối tác doanh nghiệp:

- Tiếp nhận sinh viên kiến tập, thực tập hàng năm; giới thiệu các chuyên viên giỏi để làm giáo viên hướng dẫn thực hành trong quá trình sinh viên kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp.

- Phối hợp tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề về kinh nghiệm nghề nghiệp và những kỹ năng cần thiết cho sinh viên làm việc trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tham gia đóng góp vào việc xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo của UEF.
- Cử chuyên viên tham gia giảng dạy, thuyết trình, hội thảo tại UEF.
- Tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp (theo nhu cầu của doanh nghiệp).
- Tùy vào chiến lược và chương trình hoạt động của doanh nghiệp, tham gia đóng góp vào Quỹ hỗ trợ học tập hoặc Quỹ học bổng của UEF; Tài trợ cho các hoạt động học thuật của sinh viên như: các cuộc thi học thuật, các khoá huấn luyện kỹ năng, các buổi báo cáo chuyên đề...

Trách nhiệm của UEF:

- Lập kế hoạch gửi sinh viên đến kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp với số lượng thỏa thuận theo từng năm.
- Ưu tiên cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

- Tổ chức các khóa huấn luyện chuyên môn cho doanh nghiệp với mức học phí ưu đãi khi doanh nghiệp có nhu cầu.
  - Quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp trên website của UEF và các phương tiện truyền thông khác khi UEF tổ chức các sự kiện.
- Phối hợp với doanh nghiệp trong việc nghiên cứu các đề tài khoa học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trợ giúp doanh nghiệp trong việc tiếp cận đội ngũ quản lý, giảng viên, nhân viên, sinh viên của UEF nói riêng và của xã hội nói chung, tùy thuộc vào các nội dung mà doanh nghiệp cần hợp tác.

b) Danh sách doanh nghiệp đã hợp tác trong quá trình đào tạo và tổ chức cho sinh viên thực hành, thực tập:
Khối ngành du lịch:

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt đầu phối hợp đào tạo
1	Công ty CP Sài gòn Food	2018
2	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	2018
3	Khách Sạn Winsor Plaza (5 sao)	2018
4	Công ty CP Tập đoàn Hà Đô - CN Khách sạn IBIS Hà Đô	2019
5	Chi nhánh Công ty CP Du Lịch Dịch vụ & Đầu tư Xây dựng Hội An - Botique	2019
6	Công ty Le Padam - Cheese Bar	2019
7	Công ty TNHH MTV Khách sạn quốc tế Bình Minh	2019
8	Công ty TNHH Savills (Việt Nam) - CN TP.HCM	2019
9	Công ty VietNam Travel Group	2019
10	DNTN Moonlight Hotel	2019
11	Dreamer Dessert Bar	2019
12	Gem Center - Phú Quý Group	2019
13	Khách sạn Caravelle Saigon	2019
14	Khách sạn Kim Đô	2019
15	Khách sạn Mường Thanh Grand Sài Gòn Centre	2019
16	Khách sạn New World SaiGon	2019

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt đầ
17	Khách sạn OAKWOOD	2019
18	Khách sạn Quinter Central Nha Trang	2019
19	Khách sạn Ramana Saigon	2019
20	Khách sạn Thiên Hồng	2019
21	Tập đoàn Quản lý Bất động sản Winsor (WMC Group)	2019
22	Tập Đoàn Uni Brands	2019
23	Công ty CP Du lịch lữ hành Fiditour	2019
24	Khách sạn Intercontinental Saigon	2019
25	Công ty CP Việt Thái Quốc Tế - VTI	2019
26	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Dic	2019
27	Công Ty Cổ Phần Quê Hương Liberty	2019
28	Công ty TNHH Đầu Tư Dịch vụ Nhà hàng - Khách sạn An Lan	2019
29	Công ty TNHH Commeasure Solution Việt Nam	2019
30	Công ty Cổ phần Win Way Việt Nam	2019
31	Công ty TNHH Du lịch Việt Pearl	2019
32	Công ty TNHH MTV DV DL Nụ Cười Vàng (Golden smile travel)	2019
33	Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Kiwi	2019
34	Khách sạn New World Sài Gòn (thuộc Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Inn)	2019

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt
35	Công ty Tribe Hospitality	2020
36	Khách Sạn Mia Saigon .	2020
37	Công Ty TNHH Ca Cao Xuân Ron Chợ Gạo (Alluvia Chocolate)	2022
38	Công Ty TNHH Du Lịch Lửa Việt	2022
39	Công Ty CP Du Lịch Sa Huỳnh	2022
40	Công Ty CP Dịch Vụ Thương Mai Du Lịch Viettourist	2022
41	Công Ty CP Thực Phẩm Takahiro	2022
42	Công Ty CP Giáo Dục và Đào Tạo Imap Việt Nam	2022
43	Công Ty CP Khách Sạn Sài Gòn (SGH) - Saigon Hotel Corporation	2022
44	Hotel Des Arts Saigon - Mgallery	2022
45	Công Ty CP Good Day Hospitality	2022
46	Hãng Hàng không Eva Airways	2022
47	Công Ty TNHH Học Viện Barista Quốc Tế	2022
48	Công Ty CP Vinpearl	2022
49	Hội đồng kinh doanh VIỆT NAM - CAM PU CHIA, Tập đoàn MARRIOTT INTERNATIONAL	2022
50	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	2022
51	Hiệp hội Nhà 0hàng Việt Nam	2022
52	Golden Gate Group (HCM Branch)	2022

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt đầu
53	Công ty CP Mai House Hospitality Việt Nam	2022
54	Pullman Saigon Centre Hotel	2022
55	La Vela Saigon Hotel	2022
56	The Myst Dong Khoi Hotel	2022
57	Vietmark Co.Ltd	2022
58	Công ty Du lịch Thương Hiệu Việt	2022

Ngành Công nghệ thông tin:

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt đầu phối hợp đào tạo
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT	2017
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - FPTS	2017
3	Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm Larion	2017
4	Công ty TNHH Phần Mềm SS4U	2018
5	Công ty Mắt Bảo PBO	2018
6	Công ty Cổ phần MISA	2018

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt
7	DEK Technoligies (Úc)	2018
8	Công ty TNHH Creasia	2018
9	Công ty Cổ Phần Chứng khoán SSI	2018
10	Công Ty CP Manny (Creatory)	2019
11	Công ty TNHH Commeasure Solution Việt Nam	2019
12	Công ty TNHH Giải pháp quản trị Đông Dương	2019
13	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)	2019
14	Công ty Cổ phần Aladin	2019
15	Công ty TNHH Solazu	2019
16	Công ty CP Manny (Creatory)	2019
17	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Vsetgroup	2020
18	Cty TNHH Phần Mềm FPT Hồ Chí Minh	2020
19	Công ty TNHH DXC Technology Services Việt Nam	2020
20	Happy All Technology Jsc.,	2020
21	Công ty TNHH Giải pháp Doanh Nghiệp Toàn Cầu	2020
22	Công Ty TNHH Pizitech (Pizitech Co., Ltd)	2021
23	Công Ty TNHH Hệ Thống Thông Tin FPT - CN Tại Tp. Hồ Chí Minh	2021
24	Công Ty CP Tập Đoàn Chuyển Đổi Số Nextpay	2021
25	Công Ty CP Tập Đoàn Nexttech	2021

TT	Tên doanh nghiệp phối hợp đào tạo	Thời gian bắt
26	Công Ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Tường Minh (TMA Solutions)	2021
27	Công Ty CP Thương Mại Vạn Xuân (Vantech)	2021
28	Công Ty CP Vinova HCM	2021
29	Công Ty TNHH P.A Việt Nam	2021
30	Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam	2022
31	Công ty TNHH Jobtest	2022

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học. (không trái các quy định hiện hành).

Thống kê số lượng giảng viên cơ hữu:

TT	Ngành	Mã ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
1	Công nghệ thông tin	7480201		2	7	27	14	50
2	*Khoa học dữ liệu*	*7460108*		1	1	13	1	16
3	Quản trị khách sạn	7810201			3	26	5	34
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103		1	3	14	1	19
5	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202			4	11	3	18

Thống kê số lượng giảng viên thỉnh giảng:

TT	Ngành	Mã ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng
1	Công nghệ thông tin	7480201	0	1	8	41	0	50
2	Khoa học dữ liệu	7460108	0	0	1	21	0	22
3	Quản trị khách sạn	7810201	0	0	0	4	0	4
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	0	0	1	5	0	6
5	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	0	0	2	1	0	3

Nhà trường thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023 theo quy định chung:

TT	Ngành	Mã ngành	Theo kết quả thi tốt nghiệp THPT	Theo phương thức khác	Tổng
1	Công nghệ thông tin	7480201	95	285	380
2	*Khoa học dữ liệu*	*7460108*	18	52	70
3	Quản trị khách sạn	7810201	60	180	240
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	25	75	100
5	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	30	90	120

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 502,01 tỷ đồng

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 50 triệu đồng

1.15. Các nội dung khác (không trái quy định)

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

không tuyển sinh

2.2. Phạm vi tuyển sinh.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*

2.5. Ngưỡng đầu vào.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.
2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

- Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)

- Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

Ngày 12 tháng 7 năm 2023.

Cán bộ kê khai
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Lê Dũng

Họ và tên: Lê Dũng
Số điện thoại: 0944714615
Email: dungl@uef.edu.vn

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Giang

Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

không tuyển sinh

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	Tiêu đề	Nội dung

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

không tuyển sinh

2.2. Phạm vi tuyển sinh.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*

2.5. Ngưỡng đầu vào.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	Tiêu đề	Nội dung

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Mẫu số 02: Tuyển sinh đào tạo từ xa

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

không tuyển sinh

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo từ xa	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển.

1.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	Tiêu đề	Nội dung

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/..... *(Người học)*

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		620
1	Tiến sĩ		10
1.1	Tiến sĩ chính quy		10
1.1.1	Kinh doanh và quản lý		10
1.1.1.1	Quản trị kinh doanh	9340101	10
1.2	Tiến sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài		
2	Thạc sĩ		610
2.1	Thạc sĩ chính quy		610
2.1.1	Kinh doanh và quản lý		457
2.1.1.1	Quản trị kinh doanh	8340101	275
2.1.1.2	Tài chính - Ngân hàng	8340201	131
2.1.1.3	Kế toán	8340301	51
2.1.2	Pháp luật		99
2.1.2.1	Luật kinh tế	8380107	99
2.1.3	Nhân văn		54
2.1.3.1	Ngôn ngữ Anh	8220201	54
2.2	Thạc sĩ liên kết đào tạo với nước ngoài		
B	ĐẠI HỌC		11923
3	Đại học chính quy		11923
3.1	Chính quy		11425
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		1423
3.1.1.1	Toán và thống kê		56
3.1.1.1.1	Khoa học dữ liệu	7460108	56
3.1.1.2	Máy tính và công nghệ thông tin		709
3.1.1.2.1	Công nghệ thông tin	7480201	709
3.1.1.3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		658

3.1.1.3.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	148
3.1.1.3.2	Quản trị khách sạn	7810201	371
3.1.1.3.3	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	139
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		10002
3.1.2.1	Nghệ thuật		97
3.1.2.1.1	Thiết kế đồ họa	7210403	97
3.1.2.2	Kinh doanh và quản lý		6006
3.1.2.2.1	Quản trị kinh doanh	7340101	1355
3.1.2.2.2	Digital Marketing	7340114	0
3.1.2.2.3	Marketing	7340115	829
3.1.2.2.4	Bất động sản	7340116	73
3.1.2.2.5	Kinh doanh quốc tế	7340120	1074
3.1.2.2.6	Kinh doanh thương mại	7340121	214
3.1.2.2.7	Thương mại điện tử	7340122	374
3.1.2.2.8	Tài chính - Ngân hàng	7340201	998
3.1.2.2.9	Công nghệ tài chính	7340205	25
3.1.2.2.10	Tài chính quốc tế	7340206	66
3.1.2.2.11	Kế toán	7340301	569
3.1.2.2.12	Kiểm toán	7340302	60
3.1.2.2.13	Quản trị nhân lực	7340404	328
3.1.2.2.14	Quản trị văn phòng	7340406	0
3.1.2.2.15	Quản trị sự kiện	7340412	41
3.1.2.3	Pháp luật		954
3.1.2.3.1	Luật	7380101	255
3.1.2.3.2	Luật kinh tế	7380107	591
3.1.2.3.3	Luật quốc tế	7380108	108
3.1.2.4	Công nghệ kỹ thuật		398
3.1.2.4.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	398
3.1.2.5	Nhân văn		1281
3.1.2.5.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	562

3.1.2.5.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	182
3.1.2.5.3	Ngôn ngữ Nhật	7220209	290
3.1.2.5.4	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	247
3.1.2.6	Khoa học xã hội và hành vi		458
3.1.2.6.1	Kinh tế quốc tế	7310106	64
3.1.2.6.2	Quan hệ quốc tế	7310206	330
3.1.2.6.3	Tâm lý học	7310401	64
3.1.2.6.4	Việt Nam học	7310630	0
3.1.2.7	Báo chí và thông tin		808
3.1.2.7.1	Truyền thông đa phương tiện	7320104	70
3.1.2.7.2	Công nghệ truyền thông	7320106	214
3.1.2.7.3	Quan hệ công chúng	7320108	493
3.1.2.7.4	Quảng cáo	7320110	31
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.5	Liên kết đào tạo với nước ngoài		498
3.5.1	Kinh doanh và quản lý		400
3.5.1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	235
3.5.1.2	Kinh doanh quốc tế	7340120	165
3.5.2	Nhân văn		64
3.5.2.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	64
3.5.3	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		34
3.5.3.1	Quản trị khách sạn	7810201	34
4	Đại học vừa làm vừa học		0
4.1	Vừa làm vừa học		
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học		
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học		
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		

5	Từ xa		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
6	Cao đẳng chính quy		
6.1	Chính quy		
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy		
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		
7.1	Vừa làm vừa học		
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học		
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 73095,70

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 0

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: m^2/người4,43

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	304	34324
2	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5	1715
3	Giảng đường từ 100 - 200 chỗ	0	0
4	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	91	8487
5	Số phòng dưới 50 chỗ	204	15395
6	Số phòng học đa phương tiện	0	0
7	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	4	8726

8	Thư viện, trung tâm học liệu	3	4120
9	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	26	12154

2.2 Các thông tin khác

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Âu Anh Minh		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Kinh doanh quốc tế
2	Bạch Quốc Huy		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
3	Briffett Adam		Thạc sĩ	Chính trị học		Luật quốc tế
4	Bùi Anh Dũng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
5	Bùi Anh Tú		Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Kinh tế quốc tế
6	Bùi Đình Bắc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
7	Bùi Đức Tâm		Thạc sĩ	Kinh tế học		Marketing
8	Bùi Hoàng Khánh		Thạc sĩ	Kế toán		Kiểm toán
9	Bùi Huy Tùng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing

10	Bùi Khánh Linh		Đại học	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
11	Bùi Kim Yến	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
12	Bùi Kim Yến	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
13	Bùi Ngọc Thảo Vi		Đại học	Thương mại điện tử		Thương mại điện tử
14	Bùi Quang Đông		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
15	Bùi Quang Vĩnh		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		Tài chính - Ngân hàng
16	Bùi Quang Vĩnh		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		Marketing
17	Bùi Thạch Hồng Hưng		Thạc sĩ	Chính trị học		Kế toán
18	Bùi Thanh Thoại Trân		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
19	Bùi Thị Hải Luyến		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
20	Bùi Thị Hoàng Truyên		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh tế quốc tế

21	Bùi Thị Hồng Hoa		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
22	Bùi Thị Hồng Ninh		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
23	Bùi Thị Mỹ Hảo		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quan hệ công chúng
24	Bùi Thị Thúy Quyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ truyền thông
25	Bùi Thị Trang Nhung		Đại học	Lưu trữ học		Quản trị kinh doanh
26	Bùi Trí Thức		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
27	Bửu Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh
28	Bửu Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Công nghệ truyền thông
29	Cầm Anh Tuấn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
30	Cầm Anh Tuấn		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Công nghệ tài chính
31	Cầm Văn Đoản		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
32	Cầm Văn Đoản		Tiến sĩ	Quản lý kinh		Bất động sản

				tế		
33	Cấn Quốc Huy		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
34	Cao Đỗ Quyền		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		Ngôn ngữ Nhật
35	Cao Duy Tân		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ thông tin
36	Cao Minh Vĩnh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
37	Cao Ngọc Tú		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
38	Cao Ngọc Tuấn		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Khoa học dữ liệu
39	Cao Quốc Việt		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kiểm toán
40	Cao Thanh Anh Thảo		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quan hệ quốc tế
41	Cao Thị Lý		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh thương mại
42	Cao Thị Ngân Giang		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Thương mại điện tử

43	Châu Thị Khánh Vân		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
44	Châu Thị Khánh Vân		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
45	Choi Young Taek		Thạc sĩ	Hàn quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
46	Chu Ngọc Anh Thư		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
47	Chu Thái Sơn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Bất động sản
48	Chu Văn Cấp	Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
49	Chu Văn Cấp	Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
50	Chung Ngọc Hân		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
51	Đặng Anh Lực		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
52	Đặng Anh Lực		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Anh
53	Đặng Duy Anh		Đại học	Giáo dục học		Tâm lý học
54	Đặng Hùng Kiệt		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

55	Đặng Huyền Thu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Digital Marketing
56	Đặng Huỳnh Thảo Vi		Thạc sĩ	Hán Nôm		Ngôn ngữ Trung Quốc
57	Đặng Minh Trúc		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
58	Đặng Quang Khải		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
59	Đặng Quang Tám		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
60	Đặng Quốc Thành		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
61	Đặng Thanh Thủy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
62	Đặng Thị Bích Lơ		Đại học	Giáo dục Thể chất		Quản trị kinh doanh
63	Đặng Thị Lệ Quyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
64	ĐặNg Thị Mai Ly		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
65	Đặng Thị Ngọc Thúy		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế

66	Đặng Thị Thu Mai		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
67	Đặng Trần Anh Thư		Đại học	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
68	Đặng Vũ Việt Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
69	Đào Dũng Trí		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
70	Đào Dũng Trí		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
71	Đào Minh Hồng		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới		Quan hệ quốc tế
72	Đào Minh Hồng		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới		Luật kinh tế
73	Đào Thị Diễm Châu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
74	Đào Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Trung Quốc
75	Đào Văn Tài	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Kế toán
76	Đào Văn Tài	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản trị kinh doanh

77	Điền Văn Hưng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
78	Đinh Duy Hải		Tiến sĩ	Hóa môi trường		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
79	Đinh Duy Hải		Tiến sĩ	Hóa môi trường		Quản trị kinh doanh
80	Đinh Gia Viễn		Đại học	Quản lý nhà nước		Quản trị kinh doanh
81	Đinh Hải Vinh		Đại học	Tài chính và Kế toán		Marketing
82	Đinh Hùng Tuấn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
83	Đinh Hùng Tuấn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tâm lý học		Luật kinh tế
84	Đinh Lê Hoàng		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
85	Đinh Nguyên Khiêm		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh quốc tế
86	Đinh Nguyên Khiêm		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
87	Đinh Quốc Anh Thư		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
88	Đinh Thị Thu Thủy		Thạc sĩ	Kế toán		Thương mại điện tử

89	Đinh Thị Vũ Trinh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Digital Marketing
90	Đinh Trần Thúy Vi		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
91	Đinh Xuân Thọ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Truyền thông đa phương tiện
92	Đỗ Đức Dũng		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
93	Đỗ Hoàng Phúc		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
94	Đỗ Hữu Nguyên Lộc	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
95	Đỗ Hữu Nguyên Lộc	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
96	Đỗ Mạnh Tuấn		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
97	Đỗ Minh Tâm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
98	Đỗ Nguyễn Sơn Khiêm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
99	Đỗ Nguyễn Thanh Thư		Thạc sĩ	Marketing		Digital Marketing

100	Đỗ Phan Kỳ Anh		Thạc sĩ	Xã hội học		Truyền thông đa phương tiện
101	Đỗ Phương Thảo		Tiến sĩ	Văn học		Quản trị kinh doanh
102	Đỗ Phương Thảo		Tiến sĩ	Văn học		Marketing
103	Đỗ Quang Trị		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh quốc tế
104	Đỗ Quang Trị		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
105	Đỗ Sỹ Hoàng		Thạc sĩ	Quản lý công nghiệp		Kinh doanh quốc tế
106	Đỗ Thành Đức		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Bất động sản
107	Đỗ Thanh Thính		Thạc sĩ	Kế toán		Kiểm toán
108	Đỗ Thế Hiển		Thạc sĩ	Triết học		Quan hệ quốc tế
109	Đỗ Thị Ngọc Quỳnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
110	Đỗ Thị Phương Hoa		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
111	Đỗ Thị Phương Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

				cung ứng		
112	Đỗ Thị Thu		Đại học	Lưu trữ học		Quản trị kinh doanh
113	Đỗ Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
114	Đỗ Thị Thuỳ Vân		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
115	Đỗ Trần Tuấn Anh		Đại học	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
116	Đỗ Văn Phú		Tiến sĩ	Toán học		Kinh tế quốc tế
117	Đỗ Văn Phú		Tiến sĩ	Toán học		Quản trị kinh doanh
118	Đỗ Văn Triển		Thạc sĩ	Du lịch		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
119	Đoàn Kim Phượng		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quan hệ quốc tế
120	Đoàn Thanh Phong		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
121	Đoàn Thanh Thọ		Đại học	Luật		Luật kinh tế
122	Đoàn Thị Thu Vân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Công nghệ thông tin

123	Đoàn Thị Thu Vân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Quản trị kinh doanh
124	Đoàn Văn Huyên		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Thiết kế đồ họa
125	Đoàn Vĩnh Tường		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
126	Đoàn Vĩnh Tường		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
127	Đoàn Vũ Hồng Ân		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
128	Đoàn Xuân Lộc		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Khoa học dữ liệu
129	Đống Sơn Lâm		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
130	Đồng Thị Trà My		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
131	Dư Hồng Duy		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh quốc tế
132	Dư Quang Nam		Tiến sĩ	Thống kê		Tài chính - Ngân hàng
133	Dư Quang Nam		Tiến sĩ	Thống kê		Tài chính - Ngân hàng
134	Dương Anh Long		Thạc sĩ	Luật		Logistics và quản lý

						chuỗi cung ứng
135	Dương Anh Thy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
136	Dương Bảo Trung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại
137	Dương Cao Thái Nguyên	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị nhân lực
138	Dương Cao Thái Nguyên	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
139	Dương Đình Thục		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
140	Dương Kim Khánh		Đại học	Quan hệ công chúng		Quan hệ công chúng
141	Dương Mỹ Thắm		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Quản trị sự kiện
142	Dương Mỹ Thắm		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Quản trị kinh doanh
143	Dương Mỹ Thẩm		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
144	Dương Mỹ Thẩm		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
145	Dương Nam Tiến		Tiến sĩ	Quản trị kinh		Quản trị kinh doanh

				doanh		
146	Dương Nam Tiến		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
147	Dương Ngọc Bích Tuyền		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
148	Dương Ngọc Khánh Vy		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
149	Dương Thanh Tú		Tiến sĩ	Hóa môi trường		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
150	Dương Thanh Tú		Tiến sĩ	Hóa môi trường		Quản trị kinh doanh
151	Dương Thị Bảo Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
152	Dương Thị Phương Linh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
153	Dương Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
154	Dương Thị Viên An		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
155	Dương Trường Thuận		Đại học	Luật		Luật kinh tế
156	Dương Văn Bình		Thạc sĩ	Du lịch		Digital Marketing

157	Dương Văn Thành		Đại học	Hàn Quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
158	Emmanuel Vigier Maxime		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
159	Giang Ái Diệp		Đại học	Xã hội học		Quan hệ công chúng
160	Giang Ngọc Bích		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
161	Hà Đoàn Thanh Nghị		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
162	Hà Hương Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
163	Hà Lê Thu Hoài		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
164	Hà Nguyên Cát	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
165	Hà Nguyên Cát	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
166	Hà Thị Thủy		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
167	Hà Thị Thủy		Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
168	Hà Trần Ngọc Thủy		Đại học	Công nghệ kỹ thuật hóa học		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống

169	Hà Trúc Giang		Đại học	Đông phương học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
170	Hà Trung Hiếu		Đại học	Quản lý nhà nước		Quản trị kinh doanh
171	Hà Trương Minh Hiếu		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Kinh doanh quốc tế
172	Hà Trương Phương Mỹ		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
173	Hồ Đông		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng
174	Hồ Đông		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng
175	Hồ Hữu Lực		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Digital Marketing
176	Hồ Hữu Lực		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
177	Hồ Minh Nhật		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật quốc tế
178	Hồ Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
179	Hồ Quang Lâm		Tiến sĩ	Hóa môi trường		Quản trị kinh doanh
180	Hồ Quang Lâm		Tiến sĩ	Hóa môi		Quản trị nhà hàng

				trường		và Dịch vụ ăn uống
181	Hồ Thị Bảo Châu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
182	Hồ Thị Kiều Trinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
183	Hồ Thị Ngọc Thu		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Công nghệ truyền thông
184	Hồ Thị Phương Anh		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
185	Hồ Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Hàn Quốc		Ngôn ngữ Anh
186	Hồ Thị Thu Hương		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Hàn Quốc		Ngôn ngữ Hàn Quốc
187	Hồ Thiện Khiêm		Đại học	Luật kinh tế		Luật
188	Hồ Thiện Ý		Đại học	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
189	Hồ Thùy Duyên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Hàn Quốc		Ngôn ngữ Hàn Quốc
190	Hồ Văn Tuyên		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính quốc tế

191	Hồ Văn Tuyên		Tiến sĩ	Văn học		Quản trị kinh doanh
192	Hồ Văn Tuyên		Tiến sĩ	Văn học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
193	Hồ Văn Tuyên		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
194	Hồ Viễn Phương	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
195	Hồ Viễn Phương	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
196	Hồ Vĩnh Long		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
197	Hoàng Bảo Hùng		Tiến sĩ	Toán học		Tài chính - Ngân hàng
198	Hoàng Bảo Hùng		Tiến sĩ	Toán học		Thiết kế đồ họa
199	Hoàng Đức	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
200	Hoàng Đức	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
201	Hoàng Duy Chinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
202	Hoàng Huy Hoàng		Thạc sĩ	Tài chính -		Tài chính quốc tế

				Ngân hàng		
203	Hoàng Kim Nga		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
204	Hoàng Lâm		Đại học	Tài chính và Kế toán		Kế toán
205	Hoàng Long		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
206	Hoàng Mạnh Khánh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
207	Hoàng Mi		Thạc sĩ	Báo chí học		Thiết kế đồ họa
208	Hoàng Ngọc Thịnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
209	Hoàng Thị Chinh	Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản trị kinh doanh
210	Hoàng Thị Chinh	Giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Quản trị kinh doanh
211	Hoàng Thị Hằng		Đại học	Tài chính và Kế toán		Kế toán
212	Hoàng Thị Hồng Hà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Luật kinh tế

213	Hoàng Thị Hồng Hà	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Công nghệ truyền thông
214	Hoàng Thị Lệ Thi		Thạc sĩ	Giáo dục học		Quản trị kinh doanh
215	Hoàng Thị Loan		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng
216	Hoàng Thị Loan		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng
217	Hoàng Thị Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Nhật
218	Hoàng Thị Thúy Ngọc		Thạc sĩ	Kế toán		Marketing
219	Hoàng Tỉnh Vi		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Quản trị khách sạn
220	Hoàng Trần Quang Dương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
221	Hoàng Trung Thông		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Digital Marketing
222	Hoàng Văn Hiếu		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
223	Hoàng Viết Hiền		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp		Ngôn ngữ Anh

				dạy học bộ môn		
224	Hoàng Vũ Đức		Đại học	Ngôn ngữ Nhật		Ngôn ngữ Nhật
225	Hứa Phạm Cẩm Tú		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Trung Quốc
226	Huỳnh Bá Tòng		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
227	Huỳnh Bá Tuyển		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
228	Huỳnh Bảo Ngọc		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
229	Huỳnh Bích Châm		Đại học	Quản lý nhà nước		Quản trị kinh doanh
230	Huỳnh Cẩm Thúy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Công nghệ truyền thông
231	Huỳnh Công Khanh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
232	Huỳnh Hồ Đại Nghĩa		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng

233	Huỳnh Huy Hoàng		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
234	Huỳnh Kim Phụng		Đại học	Công tác xã hội		Truyền thông đa phương tiện
235	Huỳnh Kim Tín		Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Quan hệ công chúng
236	Huỳnh Ngọc Thanh Tâm		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
237	Huỳnh Nhựt Nghĩa		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
238	Huỳnh Nhựt Nghĩa		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
239	Huỳnh Phan Diệu Hiền		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
240	Huỳnh Quốc Phong		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
241	Huỳnh Tấn Giàu		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
242	Huỳnh Thạch Trúc		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Công nghệ tài chính
243	Huỳnh Thanh Thanh		Thạc sĩ	Kinh tế học		Bất động sản

244	Huỳnh Thanh Tuyết		Đại học	Luật		Luật kinh tế
245	Huỳnh Thị Anh Vân		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam		Quan hệ quốc tế
246	Huỳnh Thị Anh Vân		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam		Ngôn ngữ Anh
247	Huỳnh Thị Như Trân		Thạc sĩ	Kế toán		Kinh doanh quốc tế
248	Huỳnh Thị Thanh Trúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
249	Huỳnh Thị Thanh Trúc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
250	Huỳnh Thị Thùy Trang		Thạc sĩ	Vi sinh vật học		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
251	Huỳnh Thiên Trang		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
252	Huỳnh Tú Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
253	Huỳnh Vân Thanh		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính - Ngân hàng
254	Huỳnh Vũ Chi		Thạc sĩ	Quản trị kinh		Kinh doanh quốc tế

				doanh		
255	Igeta Miyuki		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
256	Kholkina Kseniia		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh tế quốc tế
257	Kiều Anh Vũ		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
258	Kiều Nguyệt Mỹ Ngọc		Đại học	Luật Kinh doanh		Luật
259	La Hoàng Thanh Thảo		Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Marketing
260	Lại Doãn Anh Tuấn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
261	Lại Lê Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
262	Lâm Cẩm Phong		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh thương mại
263	Lâm Đặng Xuân Hoa		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh thương mại
264	Lâm Đức Hiệp		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

265	Lâm Minh Huy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc		Ngôn ngữ Trung Quốc
266	Lâm Thạch Anh		Thạc sĩ	Xã hội học		Công nghệ truyền thông
267	Lâm Thanh Phi Quỳnh	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kế toán		Kinh doanh quốc tế
268	Lâm Thanh Phi Quỳnh	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
269	Lâm Thị Hồng Hoa		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
270	Lâm Thị Hồng Hoa		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
271	Lâm Xiêm Dung		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kinh tế quốc tế
272	Lê Anh Nhất		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kiểm toán
273	Lê Anh Phương		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
274	Lê Anh Yến		Đại học	Ngôn ngữ Nhật		Ngôn ngữ Nhật
275	Lê Bích Loan		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
276	Lê Bích Loan		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
277	Lê Bình Phương		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật

278	Lê Công Thiện		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
279	Lê Đặng Thùy Linh		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
280	Lê Đình Phương Tâm		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh tế quốc tế
281	Lê Đình Thắng		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Tài chính quốc tế
282	Lê Dũng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
283	Lê Dũng Tuấn Anh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
284	Lê Duy An		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thiết kế đồ họa
285	Lê Hải Anh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh thương mại
286	Lê Hiếu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
287	Lê Hiếu Nghĩa		Thạc sĩ	Quản lý thể dục thể thao		Quản trị sự kiện
288	Lê Hoàng Anh		Thạc sĩ	Quản lý khoa học và công nghệ		Thiết kế đồ họa

289	Lê Hoàng Bảo Vi		Thạc sĩ	Công nghệ sinh học		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
290	Lê Hoàng Tiến		Thạc sĩ	Quản lý phát triển đô thị		Kinh tế quốc tế
291	Lê Hồng Vũ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
292	Lê Hồng Yến		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Kinh doanh thương mại
293	Lê Khánh Huy		Thạc sĩ	Kế toán		Thương mại điện tử
294	Lê Kiều Trang		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Kinh doanh quốc tế
295	Lê Kim Lợi	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế		Quản trị kinh doanh
296	Lê Kim Lợi	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế		Kinh doanh quốc tế
297	Lê Kim Nguyên		Thạc sĩ	Marketing		Digital Marketing
298	Lê Minh Duy		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
299	Lê Minh Huyền		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

300	Lê Minh Huyền		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh tế quốc tế
301	Lê Minh Nhật		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
302	Lê Minh Tấn		Tiến sĩ	Báo chí học		Luật kinh tế
303	Lê Minh Tấn		Tiến sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
304	Lê Ngân Tú Trinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Bất động sản
305	Lê Ngọc Đức		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Quản trị nhân lực
306	Lê Ngọc Đức		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Luật kinh tế
307	Lê Ngọc Hải Yến		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
308	Lê Ngọc Lợi		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
309	Lê Ngọc Thắng		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật
310	Lê Nguyễn Ái Nhân		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh

311	Lê Nguyên Lân		Thạc sĩ	Xã hội học		Ngôn ngữ Anh
312	Lê Nguyễn Minh Thọ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
313	Lê Nguyễn Minh Thọ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
314	Lê Nguyễn Ngọc Thanh		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
315	Lê Phạm Hà Trang		Thạc sĩ	Marketing		Digital Marketing
316	Lê Phi Hoan		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Thương mại điện tử
317	Lê Phương Cát Nhi		Thạc sĩ	Chính trị học		Ngôn ngữ Trung Quốc
318	Lê Phương Dung		Thạc sĩ	Kế toán		Marketing
319	Lê Phương Long		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Ngôn ngữ Trung Quốc
320	Lê Quang Vinh		Thạc sĩ	Việt Nam học		Marketing
321	Lê Quốc Thắng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
322	Lê Quốc Thắng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng

323	Lê Sĩ Trí		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
324	Lê Sĩ Trí		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh quốc tế
325	Lê Tấn Cơ		Thạc sĩ	Du lịch		Quản trị khách sạn
326	Lê Tấn Phát		Đại học	Tâm lý học		Tâm lý học
327	Lê Thanh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
328	Lê Thanh Hải		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
329	Lê Thanh Huy		Đại học	Sư phạm Tiếng Trung Quốc		Ngôn ngữ Trung Quốc
330	Lê Thanh Huyền		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
331	Lê Thanh Tiệp		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
332	Lê Thanh Tiệp		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
333	Lê Thảo Nguyên		Đại học	Báo chí		Quảng cáo

334	Lê Thế Hiển		Thạc sĩ	Châu Á học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
335	Lê Thị An Thu		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Ngôn ngữ Hàn Quốc
336	Lê Thị Giang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
337	Lê Thị Hiền Giang		Thạc sĩ	Giáo dục học		Truyền thông đa phương tiện
338	Lê Thị Hiệp Thương		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
339	Lê Thị Hiệp Thương		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
340	Lê Thị Hòa		Thạc sĩ	Quản lý đất đai		Quản trị khách sạn
341	Lê Thị Hoài Ngọc		Thạc sĩ	Hàn quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
342	Lê Thị Hồng Hạnh		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
343	Lê Thị Hồng Vinh		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Ngôn ngữ Nhật
344	Lê Thị Hợp		Đại học	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế

345	Lê Thị Kim Chi		Tiến sĩ	Triết học		Kế toán
346	Lê Thị Kim Chi		Tiến sĩ	Triết học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
347	Lê Thị Kim Đức		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
348	Lê Thị Kim Xuân		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
349	Lê Thị Kim Xuân		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
350	Lê Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
351	Lê Thị Mai Quyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
352	Lê Thị Minh Trâm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
353	Lê Thị Mộng Điệp		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính quốc tế
354	Lê Thị Mỹ Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Digital Marketing
355	Lê Thị Nga		Thạc sĩ	Luật dân sự		Luật

				và tố tụng dân sự		
356	Lê Thị Ngọc Bích		Thạc sĩ	Việt Nam học		Công nghệ truyền thông
357	Lê Thị Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
358	Lê Thị Nhung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Nhật
359	Lê Thị Phương Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
360	Lê Thị Thanh Hà		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
361	Lê Thị Thanh Hà		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
362	Lê Thị Thanh Trúc		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
363	Lê Thị Thảo Hương		Thạc sĩ	Kế toán		Marketing
364	Lê Thị Trúc Linh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
365	Lê Thị Tú Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
366	Lê Thu Yến	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Công nghệ truyền

						thông
367	Lê Thu Yến	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Quản trị kinh doanh
368	Lê Thụy Diệu Uyên		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Kinh tế quốc tế
369	Lê Thùy Dương		Thạc sĩ	Kế toán		Kiểm toán
370	Lê Thụy Thảo Sương		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Quản trị kinh doanh
371	Lê Trúc Thuận		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quan hệ công chúng
372	Lê Trúc Thuận		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Ngôn ngữ Anh
373	Lê Trung Hiếu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
374	Lê Tuấn Anh		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
375	Lê Tuấn Anh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
376	Lê Tuấn Anh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống

377	Lê Tuấn Nhã		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Nhật
378	Lê Văn Cành		Tiến sĩ	Kinh tế học		Luật kinh tế
379	Lê Văn Cành		Tiến sĩ	Kinh tế học		Digital Marketing
380	Lê Văn Khoa		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
381	Lê Văn Quý		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
382	Lê Văn Quý		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
383	Lê Văn Tuấn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
384	Lê Vinh Hoài Tịnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Bất động sản
385	Lê Vũ Hương Giang		Tiến sĩ	Kinh tế học		Luật kinh tế
386	Lê Vũ Hương Giang		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh thương mại
387	Lê Vũ Huy Hoàng		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Khoa học dữ liệu
388	Lê Vũ Ngọc Linh		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế

389	Lê Xuân Mạnh		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thiết kế đồ họa
390	Liêu Hồng Nghiệp		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
391	Lo Kinwah		Thạc sĩ	Quản lý công		Quản trị kinh doanh
392	Lộc Phương Thủy	Giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Tài chính - Ngân hàng
393	Lộc Phương Thủy	Giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
394	Lữ Thị Như Trúc		Đại học	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
395	Luận Thùy Dương		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới		Kiểm toán
396	Luận Thùy Dương		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới		Quản trị kinh doanh
397	Lương Cẩm Tú		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
398	Lương Khánh Huyền		Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Công nghệ truyền thông
399	Lương Mỹ Tuyết		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Công nghệ tài chính

400	Lương Xuân Tân		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
401	Lương Xuân Vinh		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Khoa học dữ liệu
402	Lưu Hồ Ngọc		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Truyền thông đa phương tiện
403	Lưu Hoàng Thiện Minh		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		Kinh doanh thương mại
404	Lưu Khánh Thơ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Luật kinh tế
405	Lưu Khánh Thơ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Thương mại điện tử
406	Lưu Thị Mai Vy		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
407	Lưu Thị Mai Vy		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
408	Lưu Thị Ngọc Quỳnh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
409	Lưu Thụy Tố Lan		Thạc sĩ	Hàn quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
410	Lý Đan Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế

411	Lý Như Quỳnh		Thạc sĩ	Quốc tế học		Ngôn ngữ Nhật
412	Lý Thị Kiều Oanh		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
413	Lý Thị Kim Vy		Đại học	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
414	Lý Thiên Trang	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu		Ngôn ngữ Anh
415	Lý Thiên Trang	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu		Ngôn ngữ Anh
416	Mạch Trần Huy		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
417	Maher Christopher David		Đại học	Tâm lý học		Marketing
418	Mai Lý Hiển		Đại học	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
419	Mai Ngọc Chừ	Giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Quan hệ công chúng
420	Mai Ngọc Chừ	Giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh

421	Mai Ngọc Hải		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Digital Marketing
422	Mai Quốc Hậu		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
423	Mai Thành Long		Thạc sĩ	Luật		Luật
424	Mai Thanh Tâm		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
425	Mai Thiện Tâm		Thạc sĩ	Kinh tế học		Công nghệ tài chính
426	Naville Jorge Marc Daniel		Đại học	Truyền thông đa phương tiện		Quan hệ quốc tế
427	Nay Hoài Nhi		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
428	Ngô Bách Phong		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị		Kinh tế quốc tế
429	Ngô Cao Cường	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điện		Quản trị kinh doanh
430	Ngô Cao Cường	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ thông tin
431	Ngô Cao Minh		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
432	Ngô Cao Ngọc Mai		Thạc sĩ	Quản trị tài		Luật kinh tế

				chính		
433	Ngô Cao Tùng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
434	Ngô Công Thành		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quảng cáo
435	Ngô Công Thành		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
436	Ngô Hoàng Phương		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kiểm toán
437	Ngô Hoàng Thông		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
438	Ngô Hoàng Trí Trọng		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Truyền thông đa phương tiện
439	Ngô Khả Tú		Đại học	Luật kinh tế		Luật kinh tế
440	Ngô Kim Phượng		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Truyền thông đa phương tiện
441	Ngô Kim Thanh		Thạc sĩ	Hán Nôm		Ngôn ngữ Trung Quốc
442	Ngô Liêm Phước Trọng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
443	Ngô Minh Giang		Thạc sĩ	Tài chính -		Tài chính - Ngân

				Ngân hàng		hàng
444	Ngô Minh Hải		Tiến sĩ	Kinh tế học		Digital Marketing
445	Ngô Minh Hải		Tiến sĩ	Kinh tế học		Luật kinh tế
446	Ngô Nguyễn Thiên Duyên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
447	Ngô Phương Thảo		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
448	Ngô Quốc Anh		Đại học	Công nghệ dệt, may		Luật kinh tế
449	Ngô Quốc Nhân		Đại học	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
450	Ngô Tại Cường		Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Ngôn ngữ Nhật
451	Ngô Thanh Phương Quỳnh		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
452	Ngô Thành Tấn Đạt		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
453	Ngô Thị Băng Trang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
454	Ngô Thị Bích Phương		Thạc sĩ	Khoa học thư		Quản trị kinh doanh

				viện		
455	Ngô Thị Nhật Bình		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị sự kiện
456	Ngô Tuấn Anh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
457	Ngô Tuấn Anh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa
458	Ngô Văn Công Bằng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
459	Ngô Văn Hùng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
460	Ngô Xuân Tiến		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
461	Nguyễn Anh Duy		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
462	Nguyễn Anh Duy		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
463	Nguyễn Anh Khoa		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường		Tâm lý học
464	Nguyễn Anh Lợi		Thạc sĩ	Quản trị dịch		Quản trị dịch vụ du

				vụ du lịch và lữ hành		lịch và lữ hành
465	Nguyễn Anh Tú		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
466	Nguyễn Anh Tuấn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa
467	Nguyễn Bá Anh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
468	Nguyễn Bá Hải		Thạc sĩ	Quốc tế học		Quan hệ quốc tế
469	Nguyễn Bá Sơn		Tiến sĩ	Luật quốc tế		Luật kinh tế
470	Nguyễn Bá Sơn		Tiến sĩ	Luật quốc tế		Luật quốc tế
471	Nguyễn Bảo Vinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
472	Nguyễn Chánh Hải		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh tế quốc tế
473	Nguyễn Chí Minh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
474	Nguyễn Chí Trung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Digital Marketing
475	Nguyễn Công Trí		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo		Thiết kế đồ họa

				hình		
476	Nguyễn Công Vũ		Thạc sĩ	Kế toán		Thương mại điện tử
477	Nguyễn Đặng Gia Huy		Đại học	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
478	Nguyễn Đăng Huy Vũ		Thạc sĩ	Marketing		Marketing
479	Nguyễn Đăng Khang		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Ngôn ngữ Anh
480	Nguyễn Đăng Quang Huy		Thạc sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
481	Nguyễn Đề Thanh		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
482	Nguyễn Đề Thanh		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh quốc tế
483	Nguyễn Đình Minh Sang		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
484	Nguyễn Đình Nguyên		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
485	Nguyễn Đình Tuấn		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
486	Nguyễn Đông Ngô		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học

487	Nguyễn Đức Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
488	Nguyễn Đức Công		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
489	Nguyễn Đức Công		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
490	Nguyễn Đức Duy		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
491	Nguyễn Đức Phú		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh quốc tế
492	Nguyễn Đức Trí		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
493	Nguyễn Dương Ngọc Huyền		Đại học	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
494	Nguyễn Dương Phước Trí		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
495	Nguyễn Duy Khánh Ngọc		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
496	Nguyễn Duy Khôi		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
497	Nguyễn Duy Quang		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng

498	Nguyễn Duy Quang		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kiểm toán
499	Nguyễn Duy Tịnh		Tiến sĩ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước		Luật kinh tế
500	Nguyễn Duy Tịnh		Tiến sĩ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước		Luật kinh tế
501	Nguyễn Gia Bảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
502	Nguyễn Hà Giang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
503	Nguyễn Hà Giang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Quản trị kinh doanh
504	Nguyễn Hải Ngọc		Thạc sĩ	Xã hội học		Digital Marketing
505	Nguyễn Hoàng Lân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
506	Nguyễn Hoàng Phượng		Thạc sĩ	Kế toán		Marketing
507	Nguyễn Hoàng Quốc Việt		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống

508	Nguyễn Hoàng Tâm		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
509	Nguyễn Hoàng Tam Nguyên		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
510	Nguyễn Hoàng Tuấn		Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh
511	Nguyễn Hoàng Tuấn		Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh
512	Nguyễn Hồng Châu		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
513	Nguyễn Hồng Dũng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Bất động sản
514	Nguyễn Hồng Loan		Thạc sĩ	Xã hội học		Ngôn ngữ Nhật
515	Nguyễn Hồng Thạch		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
516	Nguyễn Hữu Huy		Thạc sĩ	Du lịch		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
517	Nguyễn Hữu Lộc		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
518	Nguyễn Hữu Nghị		Đại học	Việt Nam học		Quản trị sự kiện
519	Nguyễn Hữu Quốc Thắng		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp		Ngôn ngữ Anh

				dạy học bộ môn		
520	Nguyễn Hữu Thảo		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
521	Nguyễn Hữu Thảo		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
522	Nguyễn Hữu Thảo		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
523	Nguyễn Huy Cường		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
524	Nguyễn Huy Hoàng		Thạc sĩ	Quản lý khoa học và công nghệ		Thiết kế đồ họa
525	Nguyễn Huy Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
526	Nguyễn Huy Việt		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
527	Nguyễn Huỳnh Chi		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
528	Nguyễn Huỳnh Hồng Ngọc		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
529	Nguyễn Huỳnh Sinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa

530	Nguyễn Huỳnh Thanh		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
531	Nguyễn Huỳnh Thanh		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
532	Nguyễn Huỳnh Vân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
533	Nguyễn Huỳnh Vân		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
534	Nguyễn Huỳnh Vân Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
535	Nguyễn Khắc Hùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử giáo dục		Ngôn ngữ Anh
536	Nguyễn Khắc Hùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử giáo dục		Quản trị kinh doanh
537	Nguyễn Khắc Tính		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
538	Nguyễn Kiều Hạnh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
539	Nguyễn Kiều Ngân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
540	Nguyễn Kim Nhật Vy		Đại học	Thương mại		Thương mại điện tử

				điện tử		
541	Nguyễn Kim Phụng		Thạc sĩ	Luật		Luật
542	Nguyễn Kim Trung Hiếu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
543	Nguyễn Lâm Bảo Trân		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
544	Nguyễn Lan Anh		Đại học	Quản trị nhân lực		Quản trị nhân lực
545	Nguyễn Lê Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
546	Nguyễn Lê Đông Xuân		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Kinh tế quốc tế
547	Nguyễn Lê Hạnh Tâm		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
548	Nguyễn Lê Vân Thanh		Thạc sĩ	Kế toán		Kiểm toán
549	Nguyễn Lê Xuân Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
550	Nguyễn Lưu Thanh Bình		Đại học	Quản trị nhân lực		Quản trị nhân lực
551	Nguyễn Lý Phương Anh		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị nhân lực

552	Nguyễn Lý Phương Anh		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
553	Nguyễn Mai Trâm		Tiến sĩ	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm		Luật kinh tế
554	Nguyễn Mai Trâm		Tiến sĩ	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm		Luật quốc tế
555	Nguyễn Mai Trinh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc		Ngôn ngữ Trung Quốc
556	Nguyễn Mạnh Tường		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật
557	Nguyễn Minh Bảo Trân		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ truyền thông
558	Nguyễn Minh Hải		Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		Khoa học dữ liệu
559	Nguyễn Minh Khải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Chiến lược quân sự		Tài chính - Ngân hàng
560	Nguyễn Minh Khải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Chiến lược quân sự		Tài chính - Ngân hàng

561	Nguyễn Minh Phúc		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Ngôn ngữ Anh
562	Nguyễn Minh Quân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
563	Nguyễn Minh Tâm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
564	Nguyễn Minh Thắng		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
565	Nguyễn Minh Thuận		Thạc sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật kinh tế
566	Nguyễn Minh Thuận		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
567	Nguyễn Minh Trung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
568	Nguyễn Minh Trưởng		Thạc sĩ	Kế toán		Tài chính quốc tế
569	Nguyễn Minh Tuấn		Thạc sĩ	Khoa học thư viện		Công nghệ thông tin
570	Nguyễn Mỹ Bích Trâm		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
571	Nguyễn Nam Hùng		Thạc sĩ	Quản lý khoa học và công		Thiết kế đồ họa

				nghệ		
572	Nguyễn Nam Lộc		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
573	Nguyễn Nam Trung		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
574	Nguyễn Ngọc An		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
575	Nguyễn Ngọc Anh Trâm		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
576	Nguyễn Ngọc Điệp		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
577	Nguyễn Ngọc Điệp		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh quốc tế
578	Nguyễn Ngọc Hà		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
579	Nguyễn Ngọc Hiếu		Đại học	Hàn Quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
580	Nguyễn Ngọc Lê Ca		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
581	Nguyễn Ngọc Lê Trâm		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
582	Nguyễn Ngọc Minh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Nhật

583	Nguyễn Ngọc Phương Linh		Đại học	Luật kinh tế		Luật kinh tế
584	Nguyễn Ngọc Thạch		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
585	Nguyễn Ngọc Thái		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
586	Nguyễn Ngọc Thanh		Tiến sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
587	Nguyễn Ngọc Thanh		Tiến sĩ	Triết học		Truyền thông đa phương tiện
588	Nguyễn Ngọc Thanh Huyền		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
589	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
590	Nguyễn Ngọc Tuyên		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
591	Nguyễn Ngọc Tuyên		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
592	Nguyễn Ngọc Vinh		Thạc sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
593	Nguyễn Ngọc Xuân Mai		Đại học	Marketing		Marketing
594	Nguyễn Nguyên Thủy		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học

	Trúc					
595	Nguyễn Nho Đại		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
596	Nguyễn Như Minh		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
597	Nguyễn Như Minh		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
598	Nguyễn Như Ý		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
599	Nguyễn Phạm Định		Tiến sĩ	Kinh tế		Kế toán
600	Nguyễn Phạm Định		Tiến sĩ	Kinh tế		Kế toán
601	Nguyễn Phạm Hải Hà		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính - Ngân hàng
602	Nguyễn Phát Tài		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thiết kế đồ họa
603	Nguyễn Phi Long		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
604	Nguyễn Phú Cường		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

605	Nguyễn Phú Quới		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
606	Nguyễn Phúc Quỳnh Như		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
607	Nguyễn Phúc Quỳnh Như		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
608	Nguyễn Phước Lân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ tài chính
609	Nguyễn Phước Quí Pháp		Đại học	Luật kinh tế		Luật kinh tế
610	Nguyễn Phương Hà		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quan hệ quốc tế
611	Nguyễn Phương Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quan hệ công chúng
612	Nguyễn Phương Thảo		Đại học	Thông tin - thư viện		Quản trị kinh doanh
613	Nguyễn Phương Thảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
614	Nguyễn Quang Trung		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
615	Nguyễn Quốc Huy		Đại học	Việt Nam học		Quản trị kinh doanh

616	Nguyễn Quốc Tuấn		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
617	Nguyễn Quốc Tuấn		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ thông tin
618	Nguyễn Quốc Việt		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
619	Nguyễn Quốc Việt		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
620	Nguyễn Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
621	Nguyễn Quỳnh Như		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
622	Nguyễn Sơn Lâm		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
623	Nguyễn Tất Lợi		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
624	Nguyễn Thái An		Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Quan hệ công chúng
625	Nguyễn Thái Bình		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Bất động sản
626	Nguyễn Thái Bình		Thạc sĩ	Kế toán		Kiểm toán

627	Nguyễn Thái Hà		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh quốc tế
628	Nguyễn Thái Hiền		Đại học	Marketing		Marketing
629	Nguyễn Thái Huyền Linh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
630	Nguyễn Thái Nguyên		Đại học	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
631	Nguyễn Thái Sơn		Đại học	Truyền thông đa phương tiện		Truyền thông đa phương tiện
632	Nguyễn Thanh Bình		Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
633	Nguyễn Thanh Chi		Thạc sĩ	Quản lý khoa học và công nghệ		Khoa học dữ liệu
634	Nguyễn Thanh Đạm		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
635	Nguyễn Thành Danh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
636	Nguyễn Thanh Duy		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
637	Nguyễn Thanh Giang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Quản trị kinh doanh

638	Nguyễn Thanh Giang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Quản trị kinh doanh
639	Nguyễn Thanh Hiền		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
640	Nguyễn Thanh Lâm		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
641	Nguyễn Thanh Mỹ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại
642	Nguyễn Thanh Nam		Thạc sĩ	Hàn quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
643	Nguyễn Thanh Nhã Thy		Thạc sĩ	Kế toán		Kinh doanh quốc tế
644	Nguyễn Thanh Sang		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kiểm toán
645	Nguyễn Thành Vinh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Marketing
646	Nguyễn Thế Phương		Thạc sĩ	Xã hội học		Quan hệ quốc tế
647	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Quảng cáo
648	Nguyễn Thị Bích Hải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học nước ngoài		Quan hệ công chúng
649	Nguyễn Thị Bích Hải	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học nước ngoài		Luật kinh tế

650	Nguyễn Thị Bích Ly		Thạc sĩ	Giáo dục học		Quản trị kinh doanh
651	Nguyễn Thị Bích Thúy		Tiến sĩ	Văn học nước ngoài		Quan hệ quốc tế
652	Nguyễn Thị Bích Thúy		Tiến sĩ	Văn học nước ngoài		Ngôn ngữ Anh
653	Nguyễn Thị Bích Thủy		Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh
654	Nguyễn Thị Bích Thủy		Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh
655	Nguyễn Thị Bích Trâm		Thạc sĩ	Marketing		Quản trị kinh doanh
656	Nguyễn Thị Bích Vân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
657	Nguyễn Thị Chiến		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Marketing
658	Nguyễn Thị Chiến		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
659	Nguyễn Thị Chinh		Đại học	Thông tin - thư viện		Quản trị kinh doanh
660	Nguyễn Thị Chính		Tiến sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
661	Nguyễn Thị Chính		Tiến sĩ	Tâm lý học		Quản trị kinh doanh

662	Nguyễn Thị Cúc Hồng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
663	Nguyễn Thị Cúc Hồng		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
664	Nguyễn Thị Đan Tâm		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
665	Nguyễn Thị Đan Tâm		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
666	Nguyễn Thị Diệu Linh		Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
667	Nguyễn Thị Đức		Tiến sĩ	Việt Nam học		Quản trị kinh doanh
668	Nguyễn Thị Đức		Tiến sĩ	Việt Nam học		Quản trị khách sạn
669	Nguyễn Thị Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
670	Nguyễn Thị Hà Nhung		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Quan hệ công chúng
671	Nguyễn Thị Hải Vân		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
672	Nguyễn Thị Hạnh Lê		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật quốc tế

673	Nguyễn Thị Hiền		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
674	Nguyễn Thị Hiếu Ân		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Công nghệ truyền thông
675	Nguyễn Thị Hiếu Học		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kinh tế quốc tế
676	Nguyễn Thị Hiếu Khanh		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
677	Nguyễn Thị Hoa Nhài		Đại học	Thông tin - thư viện		Công nghệ thông tin
678	Nguyễn Thị Hoài Linh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
679	Nguyễn Thị Hồng		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Quảng cáo
680	Nguyễn Thị Hồng		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
681	Nguyễn Thị Hồng		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
682	Nguyễn Thị Hồng Hiếu		Đại học	Tài chính và Kế toán		Kế toán
683	Nguyễn Thị Hồng Liên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh

684	Nguyễn Thị Hồng Vân		Đại học	Tài chính và Kế toán		Kế toán
685	Nguyễn Thị Hường		Thạc sĩ	Luật hiến pháp và luật hành chính		Luật
686	Nguyễn Thị Huyền Trang		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
687	Nguyễn Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
688	Nguyễn Thị Kim Loan		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
689	Nguyễn Thị Kim Thoại		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
690	Nguyễn Thị Lan		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Ngôn ngữ Trung Quốc
691	Nguyễn Thị Lan Chi		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị sự kiện
692	Nguyễn Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
693	Nguyễn Thị Lê Hương		Thạc sĩ	Quản lý công		Kế toán
694	Nguyễn Thị Mai Hương		Thạc sĩ	Marketing		Marketing

695	Nguyễn Thị Mai Ly		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Trung Quốc
696	Nguyễn Thị May		Thạc sĩ	Giáo dục học		Truyền thông đa phương tiện
697	Nguyễn Thị Minh Châu	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
698	Nguyễn Thị Minh Châu	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
699	Nguyễn Thị Minh Hiền		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quan hệ quốc tế
700	Nguyễn Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Kiểm toán
701	Nguyễn Thị Minh Phương		Thạc sĩ	Kế toán		Kiểm toán
702	Nguyễn Thị Minh Sáu		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
703	Nguyễn Thị Minh Sáu		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
704	Nguyễn Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Giáo dục học		Quản trị khách sạn
705	Nguyễn Thị Mộng Cầm		Tiến sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Trung Quốc

706	Nguyễn Thị Mộng Cầm		Tiến sĩ	Giáo dục học		Tài chính - Ngân hàng
707	Nguyễn Thị Mộng Vân		Đại học	Thiết kế đồ họa		Công nghệ truyền thông
708	Nguyễn Thị Mỹ Châu		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
709	Nguyễn Thị Mỹ Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
710	Nguyễn Thị Mỹ Trinh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Trung Quốc		Ngôn ngữ Trung Quốc
711	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ thông tin
712	Nguyễn Thị Nam Kha		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
713	Nguyễn Thị Nga		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
714	Nguyễn Thị Nga		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ truyền thông
715	Nguyễn Thị Ngọc Anh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh quốc tế
716	Nguyễn Thị Ngọc Châu		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa

717	Nguyễn Thị Ngọc Diễm		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính quốc tế
718	Nguyễn Thị Ngọc Hồng		Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường		Ngôn ngữ Anh
719	Nguyễn Thị Ngọc Loan		Đại học	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
720	Nguyễn Thị Ngọc Lợi		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật quốc tế
721	Nguyễn Thị Ngọc Tâm		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
722	Nguyễn Thị Nguyệt Hoàng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
723	Nguyễn Thị Nguyệt Minh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
724	Nguyễn Thị Nguyệt Minh		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
725	Nguyễn Thị Nha		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
726	Nguyễn Thị Nha		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
727	Nguyễn Thị Phượng		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học

728	Nguyễn Thị Phương Châu		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị khách sạn
729	Nguyễn Thị Quỳnh Nga		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Kiểm toán
730	Nguyễn Thị Thanh Huệ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
731	Nguyễn Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
732	Nguyễn Thị Thanh Nhàn		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Nhật
733	Nguyễn Thị Thanh Trang		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
734	Nguyễn Thị Thảo Trang		Đại học	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
735	Nguyễn Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Xã hội học		Tâm lý học
736	Nguyễn Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Báo chí học		Công nghệ truyền thông
737	Nguyễn Thị Thu Huyền		Thạc sĩ	Toán học		Thiết kế đồ họa
738	Nguyễn Thị Thu Sương		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật

739	Nguyễn Thị Thu Sương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ truyền thông
740	Nguyễn Thị Thu Thảo		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
741	Nguyễn Thị Thu Tuyết		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị khách sạn
742	Nguyễn Thị Thục Anh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh thương mại
743	Nguyễn Thị Thúy		Thạc sĩ	Giáo dục học		Quản trị kinh doanh
744	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
745	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Luật		Luật
746	Nguyễn Thị Thúy Vân		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng
747	Nguyễn Thị Thúy Vân		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính quốc tế
748	Nguyễn Thị Tố Quyên		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
749	Nguyễn Thị Trang		Đại học	Quản trị nhân lực		Quản trị kinh doanh
750	Nguyễn Thị Trúc Phương		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh

751	Nguyễn Thị Trúc Vy		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
752	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
753	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
754	Nguyễn Thị Uyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
755	Nguyễn Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật kinh tế
756	Nguyễn Thị Xuân Mai		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
757	Nguyễn Thiện Liên Hương		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật
758	Nguyễn Thông		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
759	Nguyễn Thu Hà		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Tài chính - Ngân hàng
760	Nguyễn Thu Hà		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Digital Marketing

761	Nguyễn Thu Hương		Thạc sĩ	Kinh tế học		Kinh tế quốc tế
762	Nguyễn Thụy Bích Ngọc		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
763	Nguyễn Thụy Diễm Chi		Thạc sĩ	Tâm lý học		Quản trị sự kiện
764	Nguyễn Thùy Dung		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Công nghệ tài chính
765	Nguyễn Thùy Dương		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
766	Nguyễn Thúy Thơ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
767	Nguyễn Tiến		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
768	Nguyễn Tiến		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
769	Nguyễn Tiến Dũng		Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường		Bất động sản
770	Nguyễn Tiến Trung		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
771	Nguyễn Tiến Trung		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
772	Nguyễn Toàn Thịnh		Đại học	Công nghệ		Công nghệ thông tin

				thông tin		
773	Nguyễn Trần Ân		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
774	Nguyễn Trần Ân		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
775	Nguyễn Trần Duyên Phú		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại
776	Nguyễn Trần Toàn		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
777	Nguyễn Trần Vũ Thư		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Nhật
778	Nguyễn Triều Phú		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
779	Nguyễn Trịnh Nhật Vy		Đại học	Công nghệ sinh học		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
780	Nguyễn Trọng Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
781	Nguyễn Trọng Nhân		Đại học	Quản lý nhà nước		Quản trị kinh doanh
782	Nguyễn Trung Nghĩa		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới		Ngôn ngữ Trung Quốc

783	Nguyễn Tuấn Khoa		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
784	Nguyễn Tường Đăng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
785	Nguyễn Văn An		Tiến sĩ	Xã hội học		Bất động sản
786	Nguyễn Văn An		Tiến sĩ	Xã hội học		Quản trị kinh doanh
787	Nguyễn Vân Anh		Đại học	Luật kinh tế		Luật kinh tế
788	Nguyễn Văn Bảng		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Kế toán
789	Nguyễn Văn Bảng		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Kế toán
790	Nguyễn Văn Bảo		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
791	Nguyễn Văn Biên		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
792	Nguyễn Văn Cường		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
793	Nguyễn Văn Khoảng	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

794	Nguyễn Văn Khoảng	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Tổ chức và quản lý vận tải		Quản trị kinh doanh
795	Nguyễn Văn Mạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
796	Nguyễn Văn Phong Em		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
797	Nguyễn Văn Quy		Đại học	Báo chí		Quảng cáo
798	Nguyễn Văn Tân		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thiết kế đồ họa
799	Nguyễn Văn Tạo	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
800	Nguyễn Văn Tạo	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị nhân lực
801	Nguyễn Văn Thanh		Đại học	Tài chính và Kế toán		Kế toán
802	Nguyễn Văn Thỏa		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam		Quản trị kinh doanh
803	Nguyễn Văn Xa	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Khoa học dữ liệu
804	Nguyễn Văn Xa	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh

805	Nguyễn Việt Bách		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật
806	Nguyễn Viết Thủy		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
807	Nguyễn Vũ An Bình		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính - Ngân hàng
808	Nguyễn Vương Hoài Thảo		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
809	Nguyễn Xuân Đức		Thạc sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
810	Nguyễn Xuân Hiển Nhu		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
811	Nguyễn Xuân Hòa		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
812	Nguyễn Xuân Hòa		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
813	Nguyễn Xuân Thành		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại
814	Nhan Cẩm Trí		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
815	Nhan Cẩm Trí		Tiến sĩ	Kinh tế học		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

816	Nhan Thị Yến Linh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
817	Nhan Thị Yến Linh		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
818	Nhiêu Hoàng Tuấn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
819	Pawlick Lockwood Tucker		Đại học	Khác		Quan hệ quốc tế
820	Phạm Đình Nguyên		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Khoa học dữ liệu
821	Phạm Đoàn Khánh Phương		Thạc sĩ	Hán Nôm		Ngôn ngữ Trung Quốc
822	Phạm Doãn Nguyên		Đại học	Triết học		Kiểm toán
823	Phạm Đức Chính	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực		Quản trị nhân lực
824	Phạm Đức Chính	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực		Tài chính - Ngân hàng
825	Phạm Đức Duy		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
826	Phạm Đức Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

827	Phạm Hiền Trang		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Kinh doanh quốc tế
828	Phạm Hoàng Bảo Trâm		Đại học	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
829	Phạm Hoàng Minh Ngọc		Thạc sĩ	Khoa học thư viện		Công nghệ truyền thông
830	Phạm Hướng Ngọc Uyên		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Nhật
831	Phạm Hữu Quốc		Thạc sĩ	Luật		Luật
832	Phạm Huy Cường		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Thương mại điện tử
833	Phạm Huy Cường		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
834	Phạm Huỳnh Bảo Oanh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
835	Phạm Huỳnh Minh Quân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
836	Phạm Lư Quốc Chấn		Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
837	Phạm Ngọc Anh Thư		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh thương mại
838	Phạm Ngọc Hiền		Tiến sĩ	Lý luận và		Quản trị sự kiện

				lịch sử sân khấu		
839	Phạm Ngọc Hiền		Tiến sĩ	Lý luận và lịch sử sân khấu		Quản trị kinh doanh
840	Phạm Ngọc Ninh		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh thương mại
841	Phạm Ngọc Tuấn		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
842	Phạm Phát		Tiến sĩ	Triết học		Quan hệ công chúng
843	Phạm Phát		Tiến sĩ	Triết học		Luật kinh tế
844	Phạm Phú Thanh Sang		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
845	Phạm Phú Vũ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
846	Phạm Phương Thảo		Thạc sĩ	Quốc tế học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
847	Phạm Quốc Hải		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
848	Phạm Quốc Hải		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

849	Phạm Quốc Luyến		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
850	Phạm Quốc Luyến		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
851	Phạm Thái Hiền		Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Công nghệ truyền thông
852	Phạm Thăng		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Kinh doanh thương mại
853	Phạm Thăng		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Luật kinh tế
854	Phạm Thanh Hằng		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Truyền thông đa phương tiện
855	Phạm Thanh Hằng		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Quản trị kinh doanh
856	Phạm Thanh Tuấn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
857	Phạm Thanh Tuấn		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
858	Phạm Thanh Vinh		Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thương mại điện tử
859	Phạm Thế Tri		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh doanh thương mại

860	Phạm Thế Tri		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
861	Phạm Thị Anh Nga	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Quan hệ công chúng
862	Phạm Thị Anh Nga	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
863	Phạm Thị Bắc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
864	Phạm Thị Bắc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
865	Phạm Thị Diệu Hiền		Thạc sĩ	Luật		Luật
866	Phạm Thị Hải Thư		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ tài chính
867	Phạm Thị Hằng		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Kinh doanh quốc tế
868	Phạm Thị Hoài		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
869	Phạm Thị Hồng		Thạc sĩ	Toán học		Thương mại điện tử
870	Phạm Thị Hồng		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật kinh tế

871	Phạm Thị Hồng Cúc		Đại học	Quản trị văn phòng		Quản trị kinh doanh
872	Phạm Thị Hồng Thắm		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
873	Phạm Thị Huyền Trân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại
874	Phạm Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
875	Phạm Thị Lan Trinh		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Kinh doanh quốc tế
876	Phạm Thị Lợi		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
877	Phạm Thị Lợi		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
878	Phạm Thị Luyến		Thạc sĩ	Quản lý khoa học và công nghệ		Công nghệ thông tin
879	Phạm Thị Minh Nghĩa		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kiểm toán
880	Phạm Thị Phi Yên		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Quảng cáo

881	Phạm Thị Phi Yên		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Tài chính - Ngân hàng
882	Phạm Thị Thanh Trúc		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
883	Phạm Thị Thiên Hương		Tiến sĩ	Toán giải tích		Công nghệ truyền thông
884	Phạm Thị Thu Yến		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
885	Phạm Thị Thùy Dung		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
886	Phạm Thị Thùy Dung		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật kinh tế
887	Phạm Thị Thùy Dương		Đại học	Quản lý nhà nước		Quản trị kinh doanh
888	Phạm Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Hàn quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
889	Phạm Thị Trang		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp		Quản trị kinh doanh
890	Phạm Thị Trang		Tiến sĩ	Quản lý công nghiệp		Quản trị kinh doanh
891	Phạm Thị Tú Hạnh		Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh

892	Phạm Thu Huyền		Thạc sĩ	Quan hệ công chúng		Quan hệ công chúng
893	Phạm Trọng Nghĩa		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
894	Phạm Trọng Nhân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quan hệ công chúng
895	Phạm Tuấn Anh		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính quốc tế
896	Phạm Văn Kiên		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
897	Phạm Văn Kiên		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
898	Phạm Xuân Quốc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
899	Phạm Xuân Quốc		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
900	Phan Bảo Giang		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
901	Phan Bảo Giang		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quảng cáo
902	Phan Bảo Nhân		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Thương mại điện tử

903	Phan Dân		Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Quản trị kinh doanh
904	Phan Dân		Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Quản trị kinh doanh
905	Phan Hoàng Thu Thảo		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
906	Phan Hoàng Thu Thảo		Tiến sĩ	Kinh tế học		Thương mại điện tử
907	Phan Hồng Phúc		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
908	Phan Hồng Phúc		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
909	Phan Lý Nguyên Trinh		Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
910	Phan Minh Toàn Thắng		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính quốc tế
911	Phan Nguyễn Xuân Mai		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh thương mại
912	Phan Nguyệt Vi		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị khách sạn
913	Phan Nhân		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quảng cáo

914	Phan Quang Huy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
915	Phan Thị Lan Nhi		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
916	Phan Thị Minh Châu		Tiến sĩ	Kinh tế học		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
917	Phan Thị Minh Châu		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
918	Phan Thị Minh Thúy		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
919	Phan Thị Minh Thúy		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
920	Phan Thị Thanh Trúc		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Truyền thông đa phương tiện
921	Phan Thị Thu Ngân		Thạc sĩ	Quan hệ công chúng		Quan hệ công chúng
922	Phan Thị Trà My		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
923	Phan Thị Tường Vân		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật
924	Phan Thụy Linh Trang		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị sự kiện

925	Phan Văn Thăng		Tiến sĩ	Kinh tế học		Công nghệ thông tin
926	Phan Văn Thăng		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
927	Phan Vũ Thanh Tâm		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
928	Phó Hưng Bình		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
929	Phùng Nguyễn Hoàng My		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
930	Phùng Thị Thanh Thủy		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
931	Phùng Thị Thanh Thủy		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
932	Phùng Văn Nam		Tiến sĩ	Triết học		Luật kinh tế
933	Phùng Văn Nam		Tiến sĩ	Triết học		Luật kinh tế
934	Pinchuk Oleksii		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
935	Quách Dự Tây		Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường		Quản trị khách sạn
936	Quách Nguyễn Thương Thương		Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học

937	Quách Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Thương mại điện tử
938	Quách Thị Vân Anh		Thạc sĩ	Quản lý công		Quản trị kinh doanh
939	Quách Tú Trân		Đại học	Tài chính và Kế toán		Kế toán
940	Scribner Iii David		Thạc sĩ	Quản lý phát triển đô thị		Bất động sản
941	Tạ Ánh Nhi		Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật quốc tế
942	Tần Xuân Bảo	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kế toán		Kinh doanh quốc tế
943	Tần Xuân Bảo	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kế toán		Quản trị kinh doanh
944	Tăng Mỹ Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
945	Tăng Mỹ Sang		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Luật kinh tế
946	Thái Bảo Ngọc		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Marketing
947	Thái Đức Long		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật
948	Thái Thị Mỹ Cúc		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kinh doanh quốc tế

949	Thái Trung Kiên	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Luật		Luật
950	Thái Trung Kiên	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
951	Tiết Hiền Trung		Thạc sĩ	Kinh tế học		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
952	Tiết Nguyễn Bảo Trâm		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
953	Tô An Toàn		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng
954	Tô An Toàn		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quan hệ quốc tế
955	Tô Đặng Khánh Vinh		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
956	Tô Đình Huy		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
957	Tô Nhi A		Tiến sĩ	Tâm lý học		Quản trị kinh doanh
958	Tô Nhi A		Tiến sĩ	Tâm lý học		Quản trị kinh doanh
959	Tô Nhựt Huy		Đại học	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
960	Tô Thị Kiều Oanh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh

961	Tô Tôn Thành		Thạc sĩ	Hàn quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
962	Tô Vĩnh Sơn		Thạc sĩ	Toán học		Thương mại điện tử
963	Tôn Thất Dụng		Tiến sĩ	Văn học		Truyền thông đa phương tiện
964	Tôn Thất Dụng		Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh
965	Trần Anh Tuấn		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
966	Trần Anh Tuấn		Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Quản trị kinh doanh
967	Trần Anh Tùng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
968	Trần Đăng Khoa		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
969	Trần Đạo Dõng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Quản trị kinh doanh
970	Trần Đạo Dõng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		Quản trị kinh doanh
971	Trần Đình Tuấn		Thạc sĩ	Du lịch		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

972	Trần Đức Hạnh		Tiến sĩ	Toán kinh tế		Tài chính - Ngân hàng
973	Trần Đức Hạnh		Tiến sĩ	Toán kinh tế		Tài chính - Ngân hàng
974	Trần Đức Minh Việt		Đại học	Kinh tế tài chính		Công nghệ thông tin
975	Trần Duy Thi		Tiến sĩ	Luật quốc tế		Luật quốc tế
976	Trần Duy Thi		Tiến sĩ	Luật quốc tế		Luật kinh tế
977	Trần Hà Ngọc Châu		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật kinh tế
978	Trần Hải Đăng		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
979	Trần Hải Trung		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Kế toán
980	Trần Hải Trung		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Marketing
981	Trần Hoàng Nam		Thạc sĩ	Quản lý công		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
982	Trần Hoàng Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện

983	Trần Hoàng Thanh Lan		Đại học	Tài chính và Kế toán		Kế toán
984	Trần Hữu Thắng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Thiết kế đồ họa
985	Trần Huỳnh Tâm Anh		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
986	Trần Khánh Hoà		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
987	Trần Kim Ngân		Đại học	Quản lý nhà nước		Quản trị kinh doanh
988	Trần Lê Thảo Vy		Đại học	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
989	Trần Lê Thúy Quỳnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ thông tin
990	Trần Minh Đức		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
991	Trần Minh Đức		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
992	Trần Minh Nhân		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quan hệ quốc tế
993	Trần Minh Tú		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn

994	Trần Ngọc Diễm Minh		Đại học	Đông phương học		Quan hệ quốc tế
995	Trần Ngọc Hạnh		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
996	Trần Ngọc Hạnh		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh quốc tế
997	Trần Ngọc Hoài Anh		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
998	Trần Ngọc Minh Thư		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
999	Trần Ngọc Quỳnh Châu		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
1000	Trần Ngọc Thanh		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
1001	Trần Ngọc Thiện		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
1002	Trần Nguyễn Hoài Phương		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
1003	Trần Nguyễn Mai Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
100	Trần Nguyễn Ngọc Anh		Đại học	Thiết kế đồ		Công nghệ truyền

4	Thư			họa		thông
1005	Trần Nguyễn Thùy Dương		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
1006	Trần Phú Hào		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị sự kiện
1007	Trần Phương Quỳnh		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính quốc tế
1008	Trần Quang Ánh Tuyết		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Digital Marketing
1009	Trần Quang Cảnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
1010	Trần Quang Phát		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thiết kế đồ họa
1011	Trần Quốc Bảo		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam		Quảng cáo
1012	Trần Quốc Hoàn		Tiến sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
1013	Trần Quốc Hoàn		Tiến sĩ	Triết học		Công nghệ thông tin
1014	Trần Quốc Việt		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Digital Marketing

1015	Trần Thạch Uyên Vy		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
1016	Trần Thái Học	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Truyền thông đa phương tiện
1017	Trần Thái Học	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh
1018	Trần Thanh Bình		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
1019	Trần Thành Công		Thạc sĩ	Điện quang và y học hạt nhân		Thương mại điện tử
1020	Trần Thanh Hà		Thạc sĩ	Văn học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1021	Trần Thanh Hương		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
1022	Trần Thanh Hương		Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
1023	Trần Thanh Huy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
1024	Trần Thanh Huyền		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		Quan hệ quốc tế
1025	Trần Thanh Huyền		Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		Tài chính - Ngân hàng

1026	Trần Thành Tín		Thạc sĩ	Khoa học môi trường		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
1027	Trần Thanh Trúc		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
1028	Trần Thanh Tú		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Digital Marketing
1029	Trần Thị Ánh Nguyệt		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Khoa học dữ liệu
1030	Trần Thị Bích Duyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1031	Trần Thị Bích Thanh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
1032	Trần Thị Bích Thảo		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1033	Trần Thị Chữ		Tiến sĩ	Triết học		Công nghệ thông tin
1034	Trần Thị Chữ		Tiến sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
1035	Trần Thị Diễm My		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

1036	Trần Thị Diễm Ngân		Đại học	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
1037	Trần Thị Diệu Hạnh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1038	Trần Thị Dung		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
1039	Trần Thị Hằng Phương		Thạc sĩ	Lịch sử thế giới		Truyền thông đa phương tiện
1040	Trần Thị Hào		Thạc sĩ	Vi sinh vật học		Quản trị khách sạn
1041	Trần Thị Hoàng Anh		Đại học	Marketing		Marketing
1042	Trần Thị Kim Y		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
1043	Trần Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
1044	Trần Thị Lĩnh		Đại học	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1045	Trần Thị Lộc		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính quốc tế
1046	Trần Thị Minh Giang		Đại học	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

1047	Trần Thị Minh Thi		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
1048	Trần Thị Mộng Tuyết		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
1049	Trần Thị Mộng Tuyết		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh doanh thương mại
1050	Trần Thị Mỹ Phượng		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
1051	Trần Thị Nam Trân		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Kế toán
1052	Trần Thị Nam Trân		Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Marketing
1053	Trần Thị Ngân		Đại học	Y khoa		Quản trị kinh doanh
1054	Trần Thị Ngọc Hà		Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
1055	Trần Thị Ngọc Hiền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
1056	Trần Thị Ngọc Lan		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Truyền thông đa phương tiện
1057	Trần Thị Ngọc Thảo		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Marketing

1058	Trần Thị Phương Anh		Đại học	Công nghệ sinh học		Quản trị khách sạn
1059	Trần Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
1060	Trần Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
1061	Trần Thị Quỳnh Nga	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1062	Trần Thị Quỳnh Nga	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Quản trị kinh doanh
1063	Trần Thị Thanh Dung		Đại học	Kinh tế		Kinh doanh quốc tế
1064	Trần Thị Thanh Ngân		Đại học	Ngôn ngữ Trung Quốc		Ngôn ngữ Trung Quốc
1065	Trần Thị Thảo		Tiến sĩ	Triết học		Tài chính - Ngân hàng
1066	Trần Thị Thảo		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
1067	Trần Thị Thảo		Tiến sĩ	Triết học		Tài chính - Ngân hàng
1068	Trần Thị Thảo		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

1069	Trần Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
1070	Trần Thị Thu Hà		Đại học	Thông tin - thư viện		Ngôn ngữ Anh
1071	Trần Thị Thu Trang		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Quản trị kinh doanh
1072	Trần Thị Thu Trang		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Digital Marketing
1073	Trần Thị Thu Vân		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
1074	Trần Thị Thuận	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Văn học		Quản trị khách sạn
1075	Trần Thị Thúy Duy		Thạc sĩ	Du lịch		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1076	Trần Thị Thủy Phương		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại
1077	Trần Thị Trúc Anh		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị khách sạn
1078	Trần Thị Yến Duyên		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1079	Trần Tiến Phát		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

1080	Trần Trọng Thành		Thạc sĩ	Du lịch		Quản trị khách sạn
1081	Trần Trung Đức		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
1082	Trần Trung Nam		Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Quản trị nhân lực
1083	Trần Tuấn Dũng		Đại học	Việt Nam học		Quản trị sự kiện
1084	Trần Tường Huy		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại
1085	Trần Văn Công		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật quốc tế
1086	Trần Văn Công		Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
1087	Trần Văn Dầu		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
1088	Trần Văn Thắng		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
1089	Trần Văn Thắng		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Kế toán
1090	Trần Văn Thông		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

1091	Trần Văn Thông		Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
1092	Trần Văn Trọng		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Luật kinh tế
1093	Trần Văn Trọng		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Marketing
1094	Trần Xuân Hà		Đại học	Y học dự phòng		Luật kinh tế
1095	Trần Xuân Thảo		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
1096	Triều Phương Hồng		Thạc sĩ	Kế toán		Quản trị khách sạn
1097	Trịnh Gia Khiêm		Đại học	Giáo dục học		Tâm lý học
1098	Trịnh Lê Duy		Đại học	Ngôn ngữ Hàn Quốc		Ngôn ngữ Hàn Quốc
1099	Trịnh Thanh Thủy		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
1100	Trịnh Vũ Nhã Uyên		Đại học	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
1101	Trương Chí Hưng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại

1102	Trương Công Bảo Thư		Đại học	Sư phạm Ngữ văn		Quảng cáo
1103	Trương Đức Thành		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
1104	Trương Đức Thành		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1105	Trương Hoàng Lệ		Tiến sĩ	Văn học		Luật kinh tế
1106	Trương Hoàng Lệ		Tiến sĩ	Văn học		Luật kinh tế
1107	Trương Minh Ánh Ngọc		Thạc sĩ	Hán Nôm		Ngôn ngữ Trung Quốc
1108	Trương Ngọc Quỳnh		Thạc sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
1109	Trương Nguyễn Thiên Long		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
1110	Trương Nhã Bình		Thạc sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
1111	Trương Như Thủy		Tiến sĩ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước		Luật kinh tế

1112	Trương Như Thủy		Tiến sĩ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước		Luật kinh tế
1113	Trương Phan Hoàng Anh		Thạc sĩ	Tâm lý học		Kinh tế quốc tế
1114	Trương Quốc Đạt		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
1115	Trương Quốc Thụ		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
1116	Trương Quốc Thụ		Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
1117	Trương Thanh Hưng		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật kinh tế
1118	Trương Thành Lộc		Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
1119	Trương Thị An Na		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
1120	Trương Thị An Na		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Công nghệ truyền thông
1121	Trương Thị Bích Châu		Đại học	Hệ thống thông tin quản		Công nghệ thông tin

				lý		
1122	Trương Thị Dung		Đại học	Quản lý giáo dục		Quản.trị kinh doanh
1123	Trương Thị Hoàng Anh		Đại học	Tâm lý học		Marketing
1124	Trương Thị Hồng Phượng		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
1125	Trương Thị Ngọc Bích		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Quảng cáo
1126	Trương Thị Thanh Phi		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
1127	Trương Thu Minh		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
1128	Trương Trung Hiếu		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế
1129	Trương Tuấn Phong		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1130	Từ Kim Hoàng		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Bất động sản
1131	Từ Tú Linh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại

1132	Từ Tuấn Cường		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
1133	Tưởng Phi Quân		Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Quảng cáo
1134	Uông Thị Cẩm Vân		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Marketing
1135	Văn Minh Tú		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
1136	Văn Thị Hồng Nhung		Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật
1137	Văn Thị Thiên Trang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Khoa học dữ liệu
1138	Văn Thị Thiên Trang		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Quản trị kinh doanh
1139	Võ Đan Mạch		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
1140	Võ Đình Ngà		Thạc sĩ	Giáo dục học		Công nghệ thông tin
1141	Võ Đông Hiếu		Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế

1142	Võ Đức Thọ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Tài chính - Ngân hàng
1143	Võ Đức Thọ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1144	Võ Hoàng Nguyên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
1145	Võ Hoàng Phương		Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
1146	Võ Hồng Sơn		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1147	Võ Huỳnh Kỳ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
1148	Võ Huỳnh Kỳ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
1149	Võ Khánh Giang		Đại học	Quản trị kinh doanh		Thương mại điện tử
1150	Võ Mai Đức Anh		Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Công nghệ tài chính
1151	Võ Ngọc Bích Vy		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quảng cáo
1152	Võ Ngọc Trang Anh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

1153	Võ Ngọc Trang Đài		Thạc sĩ	Kế toán		Tài chính quốc tế
1154	Võ Nguyễn Mai Vy		Đại học	Hàn Quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
1155	Võ Phước Tài		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
1156	Võ Phước Tài		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
1157	Võ Quang Ngọc Dung		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
1158	Võ Thanh Điền		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
1159	Võ Thị Phương Linh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
1160	Võ Thị Thu Hải		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
1161	Võ Thị Tố Trinh		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
1162	Võ Trần Anh Huy		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh thương mại
1163	Võ Văn Bình		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính quốc tế

1164	Võ Văn Bình		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1165	Võ Văn Đạt		Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
1166	Võ Văn Thành Thân		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Ngôn ngữ Nhật
1167	Võ Văn Thành Thân		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
1168	Vũ Anh Sao		Thạc sĩ	Quản lý công		Luật
1169	Vũ Anh Tuấn	Giáo sư	Tiến sĩ	Văn học dân gian		Luật kinh tế
1170	Vũ Anh Tuấn	Giáo sư	Tiến sĩ	Văn học dân gian		Quan hệ công chúng
1171	Vũ Đức Cần		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1172	Vũ Đức Cần		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1173	Vũ Duy Chương		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Công nghệ tài chính
1174	Vũ Hồng Tiến	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Tài chính - Ngân hàng

1175	Vũ Hồng Tiến	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế chính trị		Kinh tế quốc tế
1176	Vũ Hưng		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
1177	Vũ Hưng		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
1178	Vũ Mạnh Bảo		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
1179	Vũ Mạnh Bảo		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
1180	Vũ Minh Tuyên		Tiến sĩ	Triết học		Quản trị kinh doanh
1181	Vũ Minh Tuyên		Tiến sĩ	Triết học		Quan hệ công chúng
1182	Vũ Quảng Chiều		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
1183	Vũ Thị Huyền Trang		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
1184	Vũ Thị Lợi		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng
1185	Vũ Thị Lợi		Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng

1186	Vũ Thị Ngọc Mai		Thạc sĩ	Hán Nôm		Ngôn ngữ Trung Quốc
1187	Vũ Thị Thanh		Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật
1188	Vũ Thị Thanh Hương		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
1189	Vũ Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
1190	Vũ Thu Hạnh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
1191	Vũ Thu Hạnh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật
1192	Vũ Tuấn Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Ngôn ngữ Anh
1193	Vũ Tuấn Anh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học		Quan hệ công chúng
1194	Vũ Văn Thực		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1195	Vũ Văn Thực		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
1196	Vương Minh Châu		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và		Ngôn ngữ Nhật

				lữ hành		
1197	Vương Văn Khởi		Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Nhật

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Bạch Thị Nhã Nam			Thạc sĩ	Luật quốc tế		Luật quốc tế
2	Bak Jihyeon			Đại học	Ngôn ngữ Hàn Quốc		Ngôn ngữ Hàn Quốc
3	Baker John Raymond			Tiến sĩ	Giáo dục học		Kế toán
4	Bardeleben Paul			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
5	Biện Xuân Trường			Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
6	Binkowski Piotr Antoni			Thạc sĩ	Kinh tế học		Kinh tế quốc tế
7	Borremans Pierre Jean			Đại học	Quản lý		Quản trị kinh doanh
8	Bosco Mario Don Primus			Đại học	Triết học		Luật kinh tế

9	Bùi Hồng Điệp			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
10	Bùi Kim Phương			Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh tế quốc tế
11	Bùi Nguyễn Trà My			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Luật
12	Bùi Phú Hưng			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
13	Bùi Thành Trung			Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
14	Bùi Thanh Truyền			Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Quan hệ công chúng
15	Bùi Thị Hằng Nga			Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
16	Bùi Thị Minh Tuyết			Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
17	Bùi Thị Thảo Hiền			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
18	Bùi Thị Thục Quyên			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
19	Bùi Tiến Dũng			Thạc sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
20	Bùi Văn Như			Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng		Luật

					sản Việt Nam		
21	Bùi Việt Thành			Thạc sĩ	Xã hội học		Quan hệ công chúng
22	Bùi Xuân Phong			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
23	Cảnh Chí Hoàng			Tiến sĩ	Kinh tế học		Marketing
24	Cao Thanh Tâm			Thạc sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
25	Cao Thanh Tình			Tiến sĩ	Toán học		Kinh tế quốc tế
26	Chu Thị Bích Phượng			Thạc sĩ	Công nghệ sinh học		Kinh doanh thương mại
27	Cogley Joseph James			Thạc sĩ	Chính sách công		Quản trị kinh doanh
28	Đặng Hoàng Minh Quân			Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Marketing
29	Đặng Ngọc Thơm			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
30	Đặng Quan Trí			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng

31	Đặng Thanh Linh Phú			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
32	Đặng Thanh Tuấn			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện		Quản trị kinh doanh
33	Đặng Thị Kim Giao			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
34	Đặng Thị Thu Trang			Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
35	Đặng Thu Thúy Hằng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
36	Đặng Trương Thùy Anh			Thạc sĩ	Marketing		Marketing
37	Đặng Tuyết Mai			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
38	Đặng Văn Cường			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
39	Đặng Văn Dân		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
40	Đào Thị Thu Hằng			Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
41	Đào Tuấn Hậu			Tiến sĩ	Triết học		Luật

42	Đinh Thị Cẩm Hà			Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
43	Đinh Thị Thúy Hằng			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
44	Đinh Thiên Lộc			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
45	Đinh Tiên Minh			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
46	Đinh Văn Hoàng			Tiến sĩ	Toán học		Công nghệ thông tin
47	Đỗ Anh Thư			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
48	Đỗ Duy Khương			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
49	Đỗ Hoàng An Nhiên			Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Marketing
50	Đỗ Hữu Anh			Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

					ứng		
51	Đỗ Huỳnh Lâm Thịnh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
52	Đỗ Kim Thi			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
53	Đỗ Nhật Quyên Quyên			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
54	Đỗ Phương Thảo			Thạc sĩ	Kế toán		Kiểm toán
55	Đỗ Quang Đông			Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
56	Đỗ Thu Thủy			Thạc sĩ	Kế toán		Tài chính - Ngân hàng
57	Đỗ Trọng Hợp			Tiến sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
58	Đỗ Uyên Tâm			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
59	Đỗ Văn Thiện			Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Quan hệ công chúng
60	Đỗ Văn Tiến			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

61	Đoàn Công Yên			Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
62	Đoàn Đỗ Minh Huy			Đại học	Giáo dục Thể chất		Kinh doanh thương mại
63	Đoàn Mỹ Linh Chi			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
64	Đoàn Ngọc Hồng Minh			Thạc sĩ	Marketing		Quảng cáo
65	Đoàn Ngọc Phúc			Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
66	Đoàn Ngọc Thuận			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
67	Đoàn Tân Mỹ			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thương mại điện tử
68	Đoàn Thanh Nghiêm			Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
69	Đoàn Thanh Phương			Thạc sĩ	Marketing		Marketing
70	Đoàn Thị Bằng			Tiến sĩ	Kỹ thuật điện		Thương mại điện tử

71	Đoàn Văn Diện			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
72	Doãn Xuân Thanh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
73	Đồng Ngọc Hân			Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Kinh tế quốc tế
74	Đồng Văn Tiếp			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
75	Dương Bảo Linh			Thạc sĩ	Văn học nước ngoài		Quan hệ quốc tế
76	Dương Chí Thanh			Đại học	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
77	Dương Kim Anh			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ truyền thông
78	Dương Thành Phết			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
79	Dương Thị Thanh Thủy			Thạc sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
80	Dương Tố Hương			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thương mại điện tử

81	Fabio Rodrigues Dos Santos			Thạc sĩ	Kinh tế học		Kinh tế quốc tế
82	Gad Ahmed Hassan Nadim Hamza			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Khoa học dữ liệu
83	Giri Vandana			Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
84	Hà Huyền Hoài Vân			Thạc sĩ	Triết học		Luật kinh tế
85	Ha Long Ca			Tiến sĩ	Hóa dược		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
86	Hà Thị Kim Phượng			Tiến sĩ	Quản trị khách sạn nhà hàng - Dịch vụ ăn uống		Việt Nam học
87	Hà Văn Cử	-		Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
88	Haniiev Roman			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
89	Henriss Chip			Thạc sĩ	Quản lý công		Truyền thông đa phương tiện

90	Heo Seon			Thạc sĩ	Hàn quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
91	Hồ Đắc Nghĩa			Tiến sĩ	Toán kinh tế		Tài chính quốc tế
92	Hồ Ngọc Chi			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ truyền thông
93	Hồ Thị Xuân Huy			Thạc sĩ	Chính sách công		Luật
94	Hồ Trần Quốc Hải			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
95	Hồ Trúc Chi			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
96	Hồ Trung Chánh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
97	Hồ Văn Đức			Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử		Việt Nam học
98	Hồ Văn Quốc			Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Quan hệ công chúng

99	Hồ Xuân Mai			Tiến sĩ	Văn học		Quan hệ công chúng
100	Hoa Thị Sao Ly			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
101	Hoàng Bá Trung			Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Marketing
102	Hoàng Hải Đông			Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Luật
103	Hoàng Hoa Sơn Trà			Thạc sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
104	Hoàng Kim Mai Khôi			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
105	Hoàng Mỹ Phương			Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Quản trị nhân lực
106	Hoàng Ngọc Nhung			Tiến sĩ	Triết học		Luật
107	Hoàng Nguyên Khai			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
108	Hoàng Thị Hồng Hà			Thạc sĩ	Luật		Luật
109	Hoàng Thị Hồng			Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán

	Hạnh						
110	Hoàng Thị Thu Trang			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
111	Hoàng Thị Vân Anh			Đại học	Ngôn ngữ Nhật		Ngôn ngữ Nhật
112	Hoàng Trọng			Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
113	Hoàng Xuân Phương			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ truyền thông
114	Hong Se Hwa			Thạc sĩ	Hàn quốc học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
115	Huỳnh Ái Vân			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin quản lý		Khoa học dữ liệu
116	Huỳnh Bích Ngọc			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam		Ngôn ngữ Trung Quốc
117	Huỳnh Đăng Khoa			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
118	Huỳnh Đệ Thủ			Tiến sĩ	Tin học và Kĩ thuật máy tính		Khoa học dữ liệu

119	Huỳnh Hạnh Phúc			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
120	Huỳnh Hiền Hải			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
121	Huỳnh Kim Phụng			Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
122	Huỳnh Minh Trí			Thạc sĩ	Toán tin		Công nghệ thông tin
123	Huỳnh Nguyễn Tuyết Phương			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
124	Huỳnh Như			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
125	Huỳnh Thanh Tâm			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
126	Huỳnh Thị Thu Sương		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
127	Huỳnh Thị Thùy Dương			Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Quan hệ công chúng
128	Huỳnh Thị Thùy Trinh			Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Quan hệ công chúng
129	Icalina Gay Balingit October			Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh

130	Khổng Thị Ngọc Dung			Thạc sĩ	Khác		Ngôn ngữ Anh
131	Kim Hyunok			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Hàn Quốc		Ngôn ngữ Hàn Quốc
132	Kim Jaekyung			Tiến sĩ	Y tế công cộng		Ngôn ngữ Hàn Quốc
133	Knudsen Mikael			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
134	Lại Nam Tuấn			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
135	Lại Thị Tuyết Lan			Thạc sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
136	Lai Văn Phút			Thạc sĩ	Toán giải tích		Kinh doanh thương mại
137	Lâm Nguyệt Ánh			Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Marketing
138	Lê Anh Tú	-		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
139	Lê Châu Vinh Hải			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
140	Lê Cường			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền		Truyền thông đa phương tiện

					hình		
141	Lê Đăng Mẫn			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
142	Lê Đào Anh Khương			Thạc sĩ	Y tế công cộng		Tâm lý học
143	Lê Đình Hạc			Tiến sĩ	Kinh tế học		Tài chính - Ngân hàng
144	Lê Đình Thái			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
145	Lê Đức Phương			Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
146	Lê Đức Thắng			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
147	Lê Hoài			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ thông tin
148	Lê Hoài Ân			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
149	Lê Hoài Nam			Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự		Luật kinh tế

150	Lê Hoàng Khang			Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Công nghệ truyền thông
151	Lê Hoàng Việt Tuấn			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
152	Lê Hữu Kỳ Sơn			Thạc sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
153	Lê Hữu Nghĩa			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
154	Lê Hữu Phước			Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính quốc tế
155	Lê Huyền Trang			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
156	Lê Huỳnh Tấn Duy		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật kinh tế
157	Lê Kiên			Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
158	Lê Kim An Nhiên			Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế		Quản trị nhân lực
159	Lê Minh Thành			Tiến sĩ	Quản trị môi trường Doanh		Quản trị kinh doanh

					nghiệp		
160	Lê Ngọc Thành			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
161	Lê Ngọc Thảo Nguyên			Thạc sĩ	Chính trị học		Kinh doanh thương mại
162	Lê Nguyên Hoàng			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
163	Lê Nguyên Khanh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
164	Lê Nguyễn Như Anh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Hàn Quốc
165	Lê Nguyên Thanh			Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
166	Lê Phạm Thanh Long			Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Quan hệ công chúng
167	Lê Phương Giao Linh			Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
168	Lê Phương Thảo			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế đồ họa
169	Lê Quang Hùng			Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Marketing

170	Lê Quang Long			Thạc sĩ	Toán học		Kiểm toán
171	Lê Tấn Phước			Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
172	Lê Thái Bảo Thiên Trung			Tiến sĩ	Toán học		Kinh tế quốc tế
173	Lê Thái Sơn			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
174	Lê Thanh Hòa			Thạc sĩ	Chính sách công		Quản trị kinh doanh
175	Lê Thanh Phong			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
176	Lê Thanh Toàn			Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
177	Lê Thành Trung			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
178	Lê Thị Hà My			Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
179	Lê Thị Hằng			Thạc sĩ	Tâm lý học		Quan hệ công chúng
180	Lê Thị Hồng Vân			Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật

181	Lê Thị Hương			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
182	Lê Thị Huyền			Thạc sĩ	Toán tin		Công nghệ thông tin
183	Lê Thị Mỹ			Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
184	Lê Thị Mỹ Nương			Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh tế quốc tế
185	Lê Thị Nam Phương			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
186	Lê Thị Ngọc Hà			Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
187	Lê Thị Ngọc Thơ			Tiến sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
188	Lê Thị Phượng Hoàng Yến	-	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
189	Lê Thị Phương Thảo			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
190	Lê Thị Thanh Hằng			Thạc sĩ	Báo chí học		Công nghệ truyền thông
191	Lê Thị Thanh Ngân			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

192	Lê Thị Thúy			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
193	Lê Thị Tuyết Anh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
194	Lê Thọ			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
195	Lê Trường Giang			Thạc sĩ	Toán học		Kinh doanh thương mại
196	Lê Văn			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
197	LÊ VĂN HẠNH			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
198	Lê Văn Lai			Thạc sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
199	Lê Văn Phong			Thạc sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
200	Lê Viết Dũng Linh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
201	Lê Viết Linh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
202	Lê Võ Minh Thư			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Khoa học dữ liệu

203	Lê Xuân Thủy			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
204	Lục Minh Tuấn			Thạc sĩ	Quốc tế học		Luật quốc tế
205	Lương Minh Hiếu			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
206	Lương Ngọc Dung			Thạc sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
207	Lương Thiên Phúc			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
208	Lưu Hoàng Ân			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
209	Lưu Nguyễn Đức Minh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
210	Lưu Văn Hùng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
211	Lý Kiều Hưng			Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
212	Lý Trần Hùng Duy	-		Thạc sĩ	Kỹ thuật		Công nghệ thông

					điện		tin
213	Mai Kỷ Tuyên			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
214	Mai Phi Khánh			Thạc sĩ	Toán học		Kinh tế quốc tế
215	Mai Quyết Thắng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
216	Mai Thanh Loan			Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
217	Mai Thế Hoàng			Thạc sĩ	Khoa học hàng hải		Quan hệ quốc tế
218	Mai Thị Hải Châu			Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Kinh doanh quốc tế
219	Martinez Perez Agustin Jorge			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quan hệ quốc tế
220	Nghiêm Tấn Phong			Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính - Ngân hàng
221	Ngô Gia Hoàng			Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
222	Ngô Hữu Phước		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật		Luật
223	Ngô Minh Tân			Thạc sĩ	Kỹ thuật viễn thông		Thương mại điện tử

224	Ngô Minh Trà			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ thông tin
225	Ngô Ngọc Thuyên			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thương mại điện tử
226	Ngô Nguyễn Thảo Vy			Thạc sĩ	Luật		Luật
227	Ngô Phú Thanh			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
228	Ngô Quang Tùng			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
229	Ngô Quốc Huy			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
230	Nguyễn Anh Thư			Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
231	Nguyễn Cao Nguyên			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
232	Nguyễn Cao Thái	-		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Khoa học dữ liệu
233	Nguyễn Công Điền			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

234	Nguyễn Công Định			Thạc sĩ	Luật		Luật
235	Nguyễn Công Hoan			Tiến sĩ	Dân tộc học		Quản trị nhân lực
236	Nguyễn Công Thành			Thạc sĩ	Tài chính quốc tế		Kinh tế quốc tế
237	Nguyễn Đặng Hoài Trinh			Thạc sĩ	Châu Á học		Ngôn ngữ Nhật
238	Nguyễn Đăng Khoa			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
239	Nguyễn Đặng Phương Thảo			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
240	Nguyễn Điệp			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thiết kế đồ họa
241	Nguyễn Đình Cơ			Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam		Quan hệ quốc tế
242	Nguyễn Đình Minh Khuê			Thạc sĩ	Lý luận văn học		Quan hệ công chúng
243	Nguyễn Đông Triều			Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Quan hệ công chúng

244	Nguyễn Đức Cương			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
245	Nguyễn Đức Đạt			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
246	Nguyễn Đức Mạnh			Thạc sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
247	Nguyễn Đức Minh			Thạc sĩ	Quản lý khoa học và công nghệ		Công nghệ truyền thông
248	Nguyễn Đức Ngà			Thạc sĩ	Báo chí học		Công nghệ truyền thông
249	Nguyễn Đức Quang			Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật quốc tế
250	Nguyễn Dương Thanh Nhàn			Thạc sĩ	Triết học		Thương mại điện tử
251	Nguyễn Duy An			Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị khách sạn
252	Nguyễn Duy Anh Kiệt			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
253	Nguyễn Duy Khánh			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin

254	Nguyễn Duy Trung			Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		Quản trị kinh doanh
255	Nguyễn Hải Quang		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
256	Nguyễn Hải Trường An			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Công nghệ truyền thông
257	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
258	Nguyễn Hoàng Mai Dung			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
259	Nguyễn Hoàng Oanh			Thạc sĩ	Xã hội học		Ngôn ngữ Anh
260	Nguyễn Hoàng Thành			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
261	Nguyễn Hoàng Tố Loan			Tiến sĩ	Quản trị và phát triển bền vững		Kinh doanh thương mại
262	Nguyễn Hồng Nhung			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
263	Nguyễn Hồng Phước			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

264	Nguyễn Hồng Thạch	-		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
265	Nguyễn Hữu Khoa			Thạc sĩ	Quản lý phát triển đô thị		Bất động sản
266	Nguyễn Hữu Kỷ Tỵ			Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Việt Nam học
267	Nguyễn Hữu Long			Tiến sĩ	Tâm lý học		Quan hệ công chúng
268	Nguyễn Hữu Nghĩa			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam		Quan hệ công chúng
269	Nguyễn Hữu Trí Nhật			Thạc sĩ	Đại số và lí thuyết số		Công nghệ thông tin
270	Nguyễn Huy Hoàng			Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Ngôn ngữ Anh
271	Nguyễn Huy Trụ			Tiến sĩ	Kinh tế học		Kinh tế quốc tế
272	Nguyễn Khánh Du			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
273	Nguyễn Khánh Duy			Thạc sĩ	Marketing		Quản trị nhân lực

274	Nguyễn Kiều Oanh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
275	Nguyễn Kim Hảo			Thạc sĩ	Marketing		Marketing
276	Nguyễn Kim Phụng			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
277	Nguyễn Kim Phước			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
278	Nguyễn Kim Quốc Trung			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
279	Nguyễn Lê Thanh Giang			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
280	Nguyễn Lê Văn			Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Thương mại điện tử
281	Nguyễn Mai Lâm			Thạc sĩ	Chính trị học		Luật
282	Nguyễn Mai Mỹ Linh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Hàn Quốc

283	Nguyễn Minh Bách Tùng			Thạc sĩ	Luật		Luật quốc tế
284	Nguyễn Minh Bích Vân			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
285	Nguyễn Minh Trí			Tiến sĩ	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử		Quan hệ công chúng
286	Nguyễn Minh Trí			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
287	Nguyễn Minh Trường			Thạc sĩ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		Khoa học dữ liệu
288	Nguyễn Ngọc Ánh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Quan hệ công chúng
289	Nguyễn Ngọc Anh Trang			Thạc sĩ	Lý luận và phương		Ngôn ngữ Anh

					pháp dạy học bộ môn		
290	Nguyễn Ngọc Nguyên			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
291	Nguyễn Ngọc Nguyên Trâm			Đại học	Đông phương học		Việt Nam học
292	Nguyễn Ngọc Phương Hồng			Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
293	Nguyễn Ngọc Thứ			Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
294	Nguyễn Ngọc Trường Minh			Tiến sĩ	Kỹ thuật viễn thông		Công nghệ thông tin
295	Nguyễn Ngọc Tự			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
296	Nguyễn Nhật Linh			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
297	Nguyễn Nhật Tân			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị kinh doanh
298	Nguyễn Nhứt Linh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh

299	Nguyễn Nữ Nguyệt Anh			Tiến sĩ	Xã hội học		Quan hệ công chúng
300	Nguyễn Nữ Tường Vi			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
301	Nguyễn Phi Hùng			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
302	Nguyễn Phúc Khoa			Thạc sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
303	Nguyễn Phước Bảo Châu			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
304	Nguyễn Phượng Hoàng			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ thông tin
305	Nguyễn Phương Liên			Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
306	Nguyễn Phương Liên			Thạc sĩ	Kinh tế học		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
307	Nguyễn Phương Quỳnh Chi			Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
308	Nguyễn Quang Dũng			Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính - Ngân hàng
309	Nguyễn Quang Hưng			Thạc sĩ	Quản lý công nghệ thông tin		Khoa học dữ liệu

310	Nguyễn Quốc Anh			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
311	Nguyễn Quốc Sĩ			Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Truyền thông đa phương tiện
312	Nguyễn Quyết Thắng		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển		Marketing
313	Nguyễn Quỳnh Hoa			Tiến sĩ	Kinh tế phát triển		Kế toán
314	Nguyễn Tấn Đạt			Thạc sĩ	Kế toán		Công nghệ tài chính
315	Nguyễn Thanh Bình	-		Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Quan hệ quốc tế
316	Nguyễn Thanh Bình			Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
317	Nguyễn Thanh Điền			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
318	Nguyễn Thanh Dương			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
319	Nguyễn Thanh Hà			Tiến sĩ	Đại số và lí thuyết số		Công nghệ thông tin
320	Nguyễn Thanh Hùng			Thạc sĩ	Luật kinh tế		Ngôn ngữ Anh

321	Nguyễn Thanh Huyền			Thạc sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
322	Nguyễn Thanh Phong			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Thương mại điện tử
323	Nguyễn Thanh Tâm			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
324	Nguyễn Thanh Tùng		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
325	Nguyễn Thế Khang			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
326	Nguyễn Thị Anh Thư			Thạc sĩ	Tâm lý học		Quan hệ công chúng
327	Nguyễn Thị Bảo Khuyên			Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Kinh doanh quốc tế
328	Nguyễn Thị Diễm Hương	-		Thạc sĩ	Toán học		Kế toán
329	Nguyễn Thị Giang	-		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Khoa học dữ liệu
330	Nguyễn Thị Hoài Thu			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
331	Nguyễn Thị Hoàng Anh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

332	Nguyễn Thị Hoàng Yến			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
333	Nguyễn Thị Hồng Dung			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
334	Nguyễn Thị Hồng Thủy			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
335	Nguyễn Thị Huyền Trân			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
336	Nguyễn Thị Huyền Trân			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
337	Nguyễn Thị Kiều Hạnh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
338	Nguyễn Thị Kiều Thu			Tiến sĩ	Văn học		Quan hệ công chúng
339	Nguyễn Thị Kim Loan			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
340	Nguyễn Thị Lâm Nghi			Thạc sĩ	Luật		Luật kinh tế
341	Nguyễn Thị Mai Hương			Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán

342	Nguyễn Thị Minh Trâm			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
343	Nguyễn Thị Ngọc Anh			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế đồ họa
344	Nguyễn Thị Ngọc Diễm			Thạc sĩ	Văn học		Quan hệ công chúng
345	Nguyễn Thị Ngọc Diệp			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
346	Nguyễn Thị Ngọc Điệp		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Quan hệ công chúng
347	Nguyễn Thị Ngọc Dung			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
348	Nguyễn Thị Ngọc Oanh			Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
349	Nguyễn Thị Ngọc Sương			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
350	Nguyễn Thị Ngọc Thúy			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
351	Nguyễn Thị Nhật Linh			Thạc sĩ	Luật		Luật

352	Nguyễn Thị Phương Hảo	-	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Thiên văn học		Quan hệ công chúng
353	Nguyễn Thị Phương Hồng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Thương mại điện tử
354	Nguyễn Thị Phương Thúy			Tiến sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
355	Nguyễn Thị Quý			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kế toán
356	Nguyễn Thị Quyên	-	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
357	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	-	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị nhân lực
358	Nguyễn Thị Song Thương			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
359	Nguyễn Thị Thắm			Tiến sĩ	Quan hệ quốc tế		Công nghệ truyền thông
360	Nguyễn Thị Thanh Hoa			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
361	Nguyễn Thị Thanh Thanh			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động		Công nghệ thông tin

					hóa		
362	Nguyễn Thị Thanh Thảo			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
363	Nguyễn Thị Thanh Xuân			Tiến sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
364	Nguyễn Thị Thiện Trí			Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
365	Nguyễn Thị Thu			Thạc sĩ	Văn học		Quan hệ công chúng
366	Nguyễn Thị Thu Hồng			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
367	Nguyễn Thị Thúy Anh			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
368	Nguyễn Thị Thùy Linh			Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Thương mại điện tử
369	Nguyễn Thị Thủy Ngân			Thạc sĩ	Báo chí học		Công nghệ truyền thông
370	Nguyễn Thị Trường			Thạc sĩ	Quan hệ		Quản trị nhân lực

	Hân				quốc tế		
371	Nguyễn Thị Tuyết Hải			Tiến sĩ	Hệ thống thông tin		Công nghệ thông tin
372	Nguyễn Thị Uyên Uyên			Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
373	Nguyễn Thị Vân Thanh			Tiến sĩ	Tâm lý học		Luật kinh tế
374	Nguyễn Thị Xuân Vy			Thạc sĩ	Kế toán		Kế toán
375	Nguyễn Thịnh Phát			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
376	Nguyễn Thuý An			Thạc sĩ	Tâm lý học		Quan hệ công chúng
377	Nguyễn Thụy Bích Ngọc			Thạc sĩ	Mỹ thuật ứng dụng		Thiết kế đồ họa
378	Nguyễn Thủy Tiên			Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
379	Nguyễn Tiến Hùng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

380	Nguyễn Tiến Thành			Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Kinh doanh quốc tế
381	Nguyễn Trần Cẩm Linh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
382	Nguyễn Trần Sỹ	-	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
383	Nguyễn Trang Dung			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
384	Nguyễn Trí Dũng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ truyền thông
385	Nguyễn Trọng Nguyên			Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán
386	Nguyễn Trúc Vân			Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Kinh tế quốc tế
387	Nguyễn Trung Đông			Thạc sĩ	Toán giải tích		Marketing
388	Nguyễn Tuấn Đạt			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
389	Nguyễn Tuấn Duy			Tiến sĩ	Toán giải tích		Công nghệ thông tin
390	Nguyễn Văn Bảo			Tiến sĩ	Kế toán		Kế toán

391	Nguyễn Văn Cương			Thạc sĩ	Triết học		Luật kinh tế
392	Nguyễn Văn Danh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
393	Nguyễn Văn Điển			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Khoa học dữ liệu
394	Nguyễn Văn Minh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
395	Nguyễn Văn Tiến			Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
396	Nguyễn Vũ Diệu Linh			Thạc sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
397	Nguyễn Xuân Linh			Thạc sĩ	Quản lý kinh tế		Marketing
398	Nguyễn Xuân Nhật			Thạc sĩ	Kinh tế học		Marketing
399	Nguyễn Xuân Phúc			Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
400	Nguyễn Xuân Thể			Thạc sĩ	Triết học		Luật
401	Nguyễn Xuân Trường			Thạc sĩ	Marketing		Marketing
402	Nguyễn Xuân Trường			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực

403	Nhữ Đình Bảo Ngọc			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
404	Nông Thị Như Mai			Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế		Quan hệ quốc tế
405	Oblina Clapano Grace Beverly			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
406	Park Po Kab			Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
407	Pascua Morales Karla Mae			Thạc sĩ	Giáo dục học		Quản trị nhân lực
408	Phạm Công Nhựt			Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Quan hệ công chúng
409	Phạm Đình Huấn			Thạc sĩ	Triết học		Quan hệ quốc tế
410	Phạm Hoàng Minh Khánh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
411	Phạm Kim Điền			Thạc sĩ	Quốc tế học		Quan hệ quốc tế
412	Phạm Minh Huy			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
413	Phạm Minh Vương			Thạc sĩ	Quản trị tài chính		Tài chính quốc tế

414	Phạm Ngọc Ánh			Tiến sĩ	Toán học		Kinh tế quốc tế
415	Phạm Ngọc Trâm Anh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
416	Phạm Nguyễn Huy Hoàng			Tiến sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
417	Phạm Như Hiền			Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
418	Phạm Quang Huy		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
419	Phạm Sĩ Tiến Trình			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
420	Phạm Tấn Thông			Thạc sĩ	Châu Á học		Ngôn ngữ Nhật
421	Phạm Thanh Hải			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
422	Phạm Thanh Trúc			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
423	Phạm Thị Ánh Ngọc			Tiến sĩ	Quản lý kinh tế		Marketing
424	Phạm Thị Châu Quyên			Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại		Kinh doanh quốc tế

425	Phạm Thị Huệ			Thạc sĩ	Báo chí học		Quan hệ công chúng
426	Phạm Thị Kim Ngôn			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Khoa học dữ liệu
427	Phạm Thị Minh Hạnh			Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
428	Phạm Thị Mộng Lành			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
429	Phạm Thị Phương Thảo			Thạc sĩ	Luật		Luật
430	Phạm Thị Thanh Hưng			Thạc sĩ	Quản trị nhân lực		Quản trị nhân lực
431	Phạm Thị Thùy Dung			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
432	Phạm Thị Tuyết Trinh			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Quản trị nhân lực
433	Phạm Thị Vân Anh			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng

434	Phạm Trà My			Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Kinh doanh quốc tế
435	Phạm Trí Hùng			Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
436	Phạm Văn Quỳnh			Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
437	Phạm Văn Rạng			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Kế toán
438	Phạm Văn Võ			Tiến sĩ	Luật		Luật kinh tế
439	Phạm Xuân Kiên			Tiến sĩ	Kinh doanh thương mại		Thương mại điện tử
440	Phan Hồ Viết Trường			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ truyền thông
441	Phan Hoàng Thảo			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
442	Phan Hồng Hạnh			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
443	Phan Kim Sơn	-		Thạc sĩ	Truyền thông đại chúng		Quan hệ công chúng
444	Phan Lê			Tiến sĩ	Toán học		Marketing

445	Phan Mai Chi			Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình		Thiết kế đồ họa
446	Phan Mạnh Hùng			Tiến sĩ	Văn học Việt Nam		Quan hệ công chúng
447	Phan Minh Tuấn			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
448	Phan Nguyên Vĩnh			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ thông tin
449	Phan Nguyệt Minh			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
450	Phan Thanh Hy			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Khoa học dữ liệu
451	Phan Thị Hương Giang			Thạc sĩ	Luật kinh tế		Luật kinh tế
452	Phan Thị Mai Hà		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp		Quản trị kinh doanh
453	Phan Thị Ngọc Hân			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Thiết kế đồ họa
454	Phan Thị Thanh Đào			Thạc sĩ	Giáo dục học		Quản trị nhân lực

455	Phan Thị Tịnh Nhơn			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
456	Phan Tùng Mẫu			Thạc sĩ	Toán học		Marketing
457	Phan Vũ Ngọc Lan	-		Thạc sĩ	Kinh tế học		Quản trị nhân lực
458	Phan Vũ Tuấn			Đại học	Luật quốc tế		Luật quốc tế
459	Phó Thị Mỹ Hạnh			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Việt Nam		Quan hệ công chúng
460	Phùng Thị Xuân An			Thạc sĩ	Marketing		Marketing
461	Phương Tường Vi			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
462	Quách Thị Tố Nữ			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
463	Quach Vincent			Đại học	Công nghệ thông tin		Công nghệ truyền thông
464	Suriage Jay Linawan Rene			Đại học	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
465	Syed Tâm Husain			Thạc sĩ	Logistics và quản lý		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

					chuỗi cung ứng		
466	Tạ Thu Thủy			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
467	Tạ Văn Thành	-	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quan hệ công chúng
468	Tạ Việt Phương			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ truyền thông
469	Tăng Minh Hưởng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
470	Tăng Thông Nhân			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
471	Thái Thị Thu Thắm			Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Quan hệ công chúng
472	Thái Trí Dũng			Tiến sĩ	Tâm lý học		Quan hệ công chúng
473	Tiền Gia Trí			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
474	Tôn Thất Hoà An			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin

475	Tống Thanh Văn			Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		Khoa học dữ liệu
476	Trần Đình Giáp			Thạc sĩ	Toán giải tích		Marketing
477	Trần Đình Lộc			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Ngôn ngữ Anh
478	Trần Đức Sự			Thạc sĩ	Quản lý công		Luật
479	Trần Đức Tài			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
480	Trần Đức Tuấn			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế
481	Trần Hồ Lệ Phương Đan			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ truyền thông
482	Trần Hoàng Tuấn			Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Quản trị sự kiện
483	Trần Hữu Hạnh			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
484	Trần Khánh Tùng			Thạc sĩ	Marketing		Marketing
485	Trần Kỳ Lân			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh quốc tế

486	Trần Lệ Khuyên			Thạc sĩ	Kinh tế học		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
487	Trần Lê Thanh Thiện			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị khách sạn
488	Trần Mạnh Hùng			Thạc sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Công nghệ truyền thông
489	Trần Mạnh Tường			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
490	Trần Minh Hiền			Thạc sĩ	Toán học		Kiểm toán
491	Trần Minh Phăng			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
492	Trần Nam Anh			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn		Ngôn ngữ Anh
493	Trần Ngọc Anh Vũ			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
494	Trần Ngọc Dân			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
495	Trần Nhật Duy			Thạc sĩ	Đại số và lí		Tài chính quốc tế

	Thanh				thuyết số		
496	Trần Quốc Tuấn			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
497	Trần Sơn Hải			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
498	Trần Thanh Mai			Thạc sĩ	Tâm lý học		Tâm lý học
499	Trần Thanh Mau			Thạc sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
500	Trần Thanh Tâm			Thạc sĩ	Luật		Luật
501	Trần Thế Nam			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
502	Trần Thị Bích Nhung			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
503	Trần Thị Diệu Long			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
504	Trần Thị Kha			Thạc sĩ	Quản lý xây dựng		Thiết kế đồ họa
505	Trần Thị Mai			Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh		Quan hệ công chúng
506	Trần Thị Thu Vân			Thạc sĩ	Khoa học		Công nghệ thông

					máy tính		tin
507	Trần Thị Thùy Trang			Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
508	Trần Thị Vân Hoài			Thạc sĩ	Giáo dục học		Ngôn ngữ Anh
509	Trần Tín Nghị			Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học		Ngôn ngữ Anh
510	Trần Trung Kiên			Tiến sĩ	Kinh tế học		Kế toán
511	Trần Tuấn Nam			Tiến sĩ	Kỹ thuật môi trường		Kinh doanh thương mại
512	Trần Văn Ngân			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
513	Trần Văn Thật			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
514	Trần Vinh Quang			Thạc sĩ	Kỹ thuật điện		Công nghệ thông tin
515	Trần Xuân Hằng			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
516	Trịnh Quang Thoại			Tiến sĩ	Kinh tế		Logistics và quản

					nông nghiệp		lý chuỗi cung ứng
517	Trịnh Thị Lan Anh			Tiến sĩ	Sinh học		Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống
518	Trịnh Thục Hiền			Tiến sĩ	Luật		Luật
519	Trinh Van Long			Thạc sĩ	Kế toán		Tài chính - Ngân hàng
520	Trương Bích Phương			Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Quản trị nhân lực
521	Trương Công Bằng			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
522	Trương Dương Tâm			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quan hệ công chúng
523	Trương Minh Tuấn			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
524	Trương Nữ Tô Giang			Tiến sĩ	Triết học		Luật kinh tế
525	Trương Quang Ái			Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
526	Trương Quang Vinh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh

527	Trương Thị Xuân Đào			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Marketing
528	Từ Cao Ánh			Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng		Tài chính - Ngân hàng
529	Uechi Masashige			Đại học	Quốc tế học		Luật quốc tế
530	Vargas Dirain Luther			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
531	Võ Diệp Như			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Khoa học dữ liệu
532	Võ Hoàng Khang			Thạc sĩ	Khoa học máy tính		Công nghệ thông tin
533	Võ Hoàng Kim An			Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
534	Võ Hương Trâm			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
535	Võ Sơn Đông			Thạc sĩ	Việt Nam học		Việt Nam học
536	Võ Tấn Phong			Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
537	Võ Thành Hồng Duyên			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh

538	Võ Thế Sinh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị sự kiện
539	Võ Thị Hồng Lê			Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
540	Võ Thị Ngọc Trinh			Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		Marketing
541	Võ Thị Thu			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
542	Võ Thị Thu Hồng			Tiến sĩ	Kinh tế học		Quản trị kinh doanh
543	Võ Thị Xuân Hạnh			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
544	Võ Trần Hải Linh			Thạc sĩ	Quản trị khách sạn		Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
545	Vòng Chánh Kiếu			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị kinh doanh
546	Vũ Hải Nam			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
547	Vũ Kim Hạnh Dung			Tiến sĩ	Luật quốc tế		Luật quốc tế
548	Vũ Ngọc Bích		Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điều khiển và tự động		Công nghệ thông tin

					hóa		
549	Vũ Nguyễn Đình Nghĩa			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
550	Vũ Nguyễn Nam Khuê			Thạc sĩ	Báo chí học		Truyền thông đa phương tiện
551	Vũ Thanh Ngân			Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		Ngôn ngữ Anh
552	Vũ Thị Kim Phượng			Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		Công nghệ thông tin
553	Vũ Thị Mai			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh
554	Vũ Thị Thu Huyền			Thạc sĩ	Quản lý văn hoá		Quan hệ công chúng
555	Vũ Thị Thu Trang			Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		Quản trị kinh doanh
556	Vũ Thị Thúy			Tiến sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự		Luật kinh tế
557	Vũ Thủy Vân			Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật		Thiết kế đồ họa

558	Vương Hoàng Vũ			Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		Quản trị nhân lực
559	Vương Quốc Bảo			Tiến sĩ	Kỹ thuật viễn thông		Công nghệ thông tin
560	White Aaron Daniel			Đại học	Lịch sử		Luật kinh tế
561	Xiang Bo			Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường		Quản trị kinh doanh
562	Young Paul Desmond			Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Ngôn ngữ Anh